



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN 10

Note: Thông tin "Khối cũ"/"Lớp cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.
Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Nguyễn Phương	Dung	22-Oct-05	60107859			5	5.1	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
2	Phạm Gia	Hân	22-Nov-05	60107860			5	5.1	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
3	Lê Đức	Huy	30-Oct-05	60118364			5	5.1	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
4	Bùi Hải	Nam	8-Nov-05	60118361			5	5.1	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
5	Lương Bảo	Ngọc	10-Sep-05	60118362			5	5.1	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
6	Huỳnh Nguyên	Cát	16-Dec-05	60108395			5	5.1	Trần Quang Cơ	Đặc cách
7	Đỗ Yên	Nhi	2-Dec-05	60118393			5	5.1	Trần Văn Kiếu	Đặc cách
8	Huỳnh Kim	Thanh	20-Jan-05	60118373			5	5.1	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
9	Tran	Khiem	23-Apr-05	60108019			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
10	Cao Hoang Ngoc	Linh	21-Oct-05	60108030			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
11	Dao Nguy Song	Nghi	1-Aug-05	60108025			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
12	Le Vinh	Phuc	21-Nov-05	60108022			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
13	Nguyen Ngoc Dan	Thuy	25-Mar-05	60108024			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
14	Ngo Bao	Tran	31-Oct-05	60108026			5	5.1	Trương Định	Đặc cách
15	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	18-Sep-05	60118431			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
16	Huỳnh Trang Minh	Đạt	18-Feb-05	60118432			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
17	Bùi Ngọc Chi	Hân	16-May-05	60118434			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
18	Lưu Huỳnh Nhựt	Ivy	14-May-05	60108354			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
19	Thiều Hoàng	Minh	26-May-05	60118435			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
20	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	27-Sep-05	60108355			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
21	Tào Mỹ	Vân	30-Mar-05	60118433			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
22	Trần Mỹ	An	14-Mar-05	60115476			5	5.1	Võ Trường Toàn	Đặc cách
23	Lê Thị Xuân	Lan	18-Jun-05	60115477			5	5.1	Võ Trường Toàn	Đặc cách
24	Nguyễn Ngọc Yến	Ngân	2-Dec-05	60115478			5	5.1	Võ Trường Toàn	Đặc cách
25	Danh Trần Việt	Hoa	15-Jul-05	60118387			5	5.2	Bắc Hải	Đặc cách
26	Nguyễn Thảo	Linh	29-Mar-05	60118386			5	5.2	Bắc Hải	Đặc cách
27	Đỗ Nguyên Anh	Quân	14-Aug-05	60107960			5	5.2	Bắc Hải	Đặc cách
28	Ngô Bảo Thiên	Khôi	31-Aug-05	60118366			5	5.2	Hồ Thị Kỳ	Đặc cách
29	Le Minh	Thuan	12-Dec-05	60108033			5	5.2	Trương Định	Đặc cách
30	Dương Hiên	Anh	29-Dec-05	60118448			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
31	Ang Da En	Daniel	24-Oct-05	60118439			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
32	Châu Bảo	Hân	21-Oct-05	60118444			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
33	Vũ Nguyễn Gia	Hân	6-Dec-05	60118447			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
34	Trần Văn	Hào	21-Dec-05	60118440			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
35	Huỳnh Chánh	Kiệt	12-Dec-05	60118443			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
36	Nguyễn Lê Thụy	Lam	3-Nov-05	60118437			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
37	Nguyễn Lê Hoàng	Linh	30-Aug-05	60118441			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
38	Đặng Vũ Tuyết	Ngân	6-Feb-05	60118438			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
39	Lê Minh	Ngọc	20-Mar-05	60118445			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
40	Nguyễn Lâm	Vy	5-Feb-05	60118446			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
41	Nguyễn Hoàng Như	Ý	29-Nov-05	60118442			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
42	Trần Ngọc Minh	Châu	12-Dec-05	60115479			5	5.2	Võ Trường Toàn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
43	Lê Minh	Khôi	26-Oct-05	60107324			5	5.3	Dương Minh Châu	Đặc cách
44	Bùi Hoàng Minh	Phước	10-Feb-05	60107326			5	5.3	Dương Minh Châu	Đặc cách
45	Trần Huỳnh Thảo	Vân	11-Oct-05	60107870			5	5.3	Hồ Thị Kỷ	Đặc cách
46	Nguyễn Hoàng	Danh	7-Mar-05	60107562			5	5.3	Lê Đình Chinh	Đặc cách
47	Nguyễn Lê Như	Hà	27-Jun-05	60107564			5	5.3	Lê Đình Chinh	Đặc cách
48	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28-Jun-05	60107565			5	5.3	Lê Đình Chinh	Đặc cách
49	Lê Minh	Huy	6-Nov-05	60107714			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
50	Nguyễn Trần Phương	Linh	15-Jul-05	60107716			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
51	Từ Hoàng Gia	Phúc	6-Apr-05	60107721			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
52	Nguyễn Hữu Anh	Thi	2-Aug-05	60107724			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
53	Nguyễn Hữu Anh	Thư	2-Aug-05	60107725			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
54	Phạm Đức	Trí	2-Feb-05	60107727			5	5.3	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
55	Shih Phúc	Huy	9-Mar-05	60118450			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
56	Huỳnh Ngọc Ánh	Linh	20-Jul-05	60118451			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
57	Phùng Tú	Mẫn	5-Feb-05	60108357			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
58	Nguyễn Nam Minh	Quân	20-May-05	60118449			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
59	Hồ Quốc	Thịnh	28-Mar-05	60118452			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
60	Võ Hồ Thiên	Ân	17-Jun-05	60108151			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
61	Dương Đình	Hiếu	18-Oct-05	60108155			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
62	Hoàng Quang	Huy	27-Dec-05	60108156			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
63	Lê Thy	Khanh	16-Dec-05	60108160			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
64	Nguyễn Trần Mai	Khanh	26-Aug-05	60108161			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
65	Vũ Lan	Nghi	20-Aug-05	60108163			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
66	Trần Huỳnh Thiện	Nhân	11-Nov-05	60108168			5	5.3	Võ Trường Toàn	Đặc cách
67	Đặng Quốc Nam	Anh	4-Aug-05	60117545			5	5.4	Lê Đình Chinh	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
68	Lê Ngọc Phương	Mai	3-May-05	60117546			5	5.4	Lê Đình Chinh	Đặc cách
69	Hứa Long	Thịnh	28-Oct-05	60117538			5	5.4	Lê Đình Chinh	Đặc cách
70	Phạm Quỳnh	Anh	6-Mar-05	60107730			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
71	Nguyễn Quốc Gia	Huy	5-May-05	60107732			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
72	Nguyễn Anh	Khang	15-Feb-05	60107733			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
73	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	30-May-05	60107739			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
74	Trương Xuân	Sang	12-Aug-05	60107742			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
75	Hà Minh	Son	10-Sep-05	60107743			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
76	Đinh Hoàng Mai	Vy	14-Jan-05	60107746			5	5.4	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
77	Nguyễn Tuấn	Hung	15-Apr-05	60107435			5	5.4	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
78	Chiêm Khả	Doanh	12-Aug-05	60118456			5	5.4	Việt Úc	Đặc cách
79	Nguyễn Vũ Huy	Hoàng	17-Mar-05	60108362			5	5.4	Việt Úc	Đặc cách
80	Phan Gia	Huy	11-Jan-05	60118454			5	5.4	Việt Úc	Đặc cách
81	Đặng Tuấn	Kiệt	1-Jan-05	60108359			5	5.4	Việt Úc	Đặc cách
82	Lê Kim Uyên	Minh	5-Feb-05	60108361			5	5.4	Việt Úc	Đặc cách
83	Nguyễn Khánh	An	10-Sep-05	60108177			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
84	Nguyễn Văn	Anh	26-Dec-05	60108178			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
85	Nguyễn Tất	Bách	3-Nov-05	60108181			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
86	Nguyễn Tấn	Đạt	16-Dec-05	60108183			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
87	Nguyễn Bá	Duy	6-Jul-05	60108182			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
88	Nguyễn Hữu	Hào	1-Jan-05	60108185			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
89	Bùi Duy	Hung	11-Mar-05	60108187			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
90	Huỳnh Ngọc Hoàng	Khang	8-Nov-05	60108188			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
91	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	5-Oct-05	60108191			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách
92	Ngô Nguyễn Thành	Nhân	17-Jan-05	60108192			5	5.4	Võ Trường Toản	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
93	Nguyễn Minh Bảo	Nhi	2-Feb-05	60108193			5	5.4	Võ Trường Toàn	Đặc cách
94	Nguyễn Phú	Thịnh	10-Sep-05	60108201			5	5.4	Võ Trường Toàn	Đặc cách
95	Trần anh	Tuấn	22-Jul-05	60108202			5	5.4	Võ Trường Toàn	Đặc cách
96	Trương Kiều	Vi	19-Dec-05	60108204			5	5.4	Võ Trường Toàn	Đặc cách
97	Lương Ngọc Khánh	Vy	22-Jan-05	60108205			5	5.4	Võ Trường Toàn	Đặc cách
98	Phạm Lê Quỳnh	Anh	29-Nov-05	60107747			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
99	Đoàn Nguyễn Tấn	Khang	26-Nov-05	60107753			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
100	Bùi Đăng	Khoa	3-Jan-05	60107754			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
101	Nguyễn Bá Minh	Khôi	10-Sep-05	60107755			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
102	Ngô Đức	Minh	31-Mar-05	60107756			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
103	Nguyễn Nhật	Minh	22-Oct-05	60107758			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
104	Lưu Gia	Nguyễn	12-Jul-05	60107759			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
105	Kiều Minh	Quân	8-Dec-05	60118381			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
106	Trương Khang	Thịnh	29-Mar-05	60107762			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
107	Võ Thị Thanh	Thư	26-Jun-05	60107764			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
108	Hồ Hữu	Tường	8-May-05	60118382			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
109	Trần Ngọc Hiếu	Vân	18-Dec-05	60118383			5	5.5	Thiên Hộ Dương	Đặc cách
110	Lê Bảo	Hương	24-Aug-05	60108406			5	5.5	Trần Quang Cơ	Đặc cách
111	Huỳnh Bảo	Trân	16-May-05	60108407			5	5.5	Trần Quang Cơ	Đặc cách
112	Nguyễn Duy	Khang	27-Feb-05	60107439			5	5.5	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
113	Lê Bảo Minh	Thắng	21-May-05	60107443			5	5.5	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
114	Nguyễn Minh	Thư	14-Dec-05	60107444			5	5.5	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
115	Nguyen	Jessica	19-Oct-05	60118460			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
116	Phù Dung Thiện	Nhân	8-May-05	60118457			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
117	Bùi Ngọc Nam	Phương	22-Jul-05	60118461			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
118	Ninh Nguyên Thùy	Tâm	3-May-05	60108365			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
119	Nguyễn Trung	Tín	27-Nov-05	60108366			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
120	Nguyễn Bình Minh	Trí	2-Apr-05	60118459			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
121	Nguyễn Lê Ngọc	Vy	21-Feb-05	60118458			5	5.5	Việt Úc	Đặc cách
122	Nguyễn Duy	Lam	5-Jun-05	60108224			5	5.5	Võ Trường Toản	Đặc cách
123	Phan Hoàng Bảo	Ngọc	30-Sep-05	60107888			5	5.6	Hồ Thị Kỷ	Đặc cách
124	Hoàng Thế	Anh	2-Jan-05	60107448			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
125	Nguyễn Phúc Minh	Anh	22-Mar-05	60107447			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
126	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	29-Jan-05	60107471			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
127	Phạm Lê Thiên	Kim	1-Aug-05	60107455			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
128	Trần Quang	Lập	6-Apr-05	60107456			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
129	Đặng Nguyên	Quân	11-Apr-05	60107461			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
130	Nguyễn Hoàng	Tâm	10-Mar-05	60107462			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
131	Lê Minh	Trí	2-Jan-05	60107467			5	5.6	Triệu Thị Trinh	Đặc cách
132	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	1-Jun-05	60118462			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
133	Nguyễn Phan Thái	Bảo	30-Aug-05	60108370			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
134	Bang Ji	Hyon	7-Jul-05	60118464			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
135	Đào Ngọc Minh	Khuê	17-Nov-05	60108369			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
136	Đại Hoàng	Phúc	1-May-05	60118466			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
137	Trương Mỹ	Phương	23-Feb-05	60118463			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
138	Trần Đỗ Phương	Quỳnh	26-Aug-05	60118465			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
139	Ngô Tấn	Tài	10-Nov-05	60108372			5	5.6	Việt Úc	Đặc cách
140	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	26-May-05	60107334			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách
141	Nguyễn Quốc	Hưng	7-Sep-05	60107331			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách
142	Đàm Khiết	Nghi	25-May-05	60118103			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
143	Lê Nguyễn Vĩnh	Phú	25-Mar-05	60118094			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách
144	Bùi Minh	Phúc	16-Feb-05	60118095			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách
145	Tăng Trần Đăng	Quang	17-Sep-05	60107336			5	5.7	Dương Minh Châu	Đặc cách
146	Nguyễn Hải	Đức	8-Mar-05	60118475			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
147	Nguyễn Phạm Thanh	Long	15-Aug-05	60118468			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
148	Nguyễn Ngọc	Ly Na	10-Dec-05	60118470			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
149	Đặng Ngọc	My	10-Jun-05	60118467			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
150	Nguyễn Bảo	Nghi	23-May-05	60118472			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
151	Trương Kiến	Nghiệp	13-Mar-05	60108373			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
152	Lý Kiến	Nhân	17-Jun-05	60118473			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
153	Bùi Tấn	Phát	13-Apr-05	60118474			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
154	Đoàn Minh	Quân	4-May-05	60118469			5	5.7	Việt Úc	Đặc cách
155	Lâm Chấn Ngọc Xuân	Nghi	29-Jul-05	60107339			5	5.8	Dương Minh Châu	Đặc cách
156	Võ Minh	Phát	30-Nov-05	60107337			5	5.8	Dương Minh Châu	Đặc cách
157	Nguyễn Duy	Thức	4-Jun-05	60118090			5	5.8	Dương Minh Châu	Đặc cách
158	Lư Hào	Vân	8-Mar-05	60118092			5	5.8	Dương Minh Châu	Đặc cách
159	Trần Nhã	Vy	10-Sep-05	60118093			5	5.8	Dương Minh Châu	Đặc cách
160	Lý Mỹ	Dinh	1-Jan-05	60118479			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
161	Nguyễn Lý Thái	Gia	16-Jan-05	60118478			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
162	Nguyễn Đình Phú	Hào	19-Mar-05	60118485			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
163	Lê Trần	Khôi	11-May-05	60108375			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
164	Quách Kiến	Lạc	13-Jul-05	60118480			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
165	Nguyễn Thanh Phong	Lam	4-Apr-05	60118481			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
166	Hồ Thị Hồng	Ngân	29-Nov-05	60118483			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
167	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	24-Apr-05	60108374			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
168	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	30-Aug-05	60118482			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
169	Hứa Nhã	Văn	5-Jan-05	60118476			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
170	Hoa Chí	Vỹ	17-Apr-05	60118477			5	5.8	Việt Úc	Đặc cách
171	Nguyễn Thảo Phong	Nghi	15-Sep-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
172	Trần Thiên	Bách	08-Aug-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
173	Thái	Cindy	28-Sep-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
174	Hoàng Vũ Thiên	Hà	30-Jun-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
175	Trần Hà	My	18-Mar-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
176	Trần Ngọc Phương	Ngân	20-Jul-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
177	Nguyễn Lâm Minh	Thư	14-Oct-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
178	Võ Ngô Đức	Toàn	22-Jun-04				6	6.10	Việt Úc	Đặc cách
179	Nguyễn Minh Trâm	Anh	19-Jun-04				6	6.2	CMT8	Đặc cách
180	Diệp Bảo	Phương	25-Feb-04				6	6.2	Việt Úc	Đặc cách
181	Aloysius Soh Jin	Yuan	01-Sep-02				6	6.2	Việt Úc	Đặc cách
182	Lý Ngọc Minh	Khuê	14-Apr-04				6	6.3	Việt Úc	Đặc cách
183	Mai Phan Duy	Anh	26-Nov-04				6	6.4	Việt Úc	Đặc cách
184	Trần Trang Bảo	Vy	02-Feb-04				6	6.5	Việt Úc	Đặc cách
185	Cai Thụy Phương	Khanh	19-Jun-04				6	'6.5	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
186	Dương Nhã	Chi	06-Apr-04				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
187	Huỳnh Diệu	Hon	25-Nov-03				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
188	Phạm Hoàng Việt	Khánh	08-Feb-04				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
189	Nguyễn Lý Tâm	Như	04-Mar-04				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
190	Lê Quang Minh	Quân	22-Sep-04				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
191	Yang Tú	Vy	11-Jul-04				6	6.8	Việt Úc	Đặc cách
192	Văn Trí	Đức	02-Feb-04				6	'6/1	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
193	Huỳnh Cao	Minh	25-Jun-04				6	'6/1	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
194	Nguyễn Lê Đăng	Huy	24-Jan-04				6	'6/2	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
195	Nguyễn Minh	Khôi	10-Feb-04				6	'6/2	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
196	Diệp Anh	Minh	09-Feb-04				6	'6/2	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
197	Nguyễn Hoàng	Nam	08-Apr-04				6	'6/2	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
198	Thái Minh	Sang	01-Feb-04				6	'6/2	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
199	Thạch Vũ Lê	Vương	14-Oct-04				6	6/3	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
200	Phạm Anh	Khoa	27-Jan-04				6	6/3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
201	Nguyễn Như	Ngọc	18-Mar-04				6	6/4	Sương nguyệt anh	Đặc cách
202	Lê Trung	Kiên	10-Apr-04				6	'6/4	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
203	Lê Khánh	Duy	09-Feb-04				6	'6/5	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
204	Lê Thụy Bảo	Ngân	06-May-04				6	'6/5	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
205	Nguyễn Lê	Văn	05-Oct-04				6	'6/5	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
206	Nguyễn Hoàng	Phúc	10-Sep-04				6	'6/7	Trần Phú	Đặc cách
207	Nguyễn Thành	Trung	28-Aug-03				6	Lớp 6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
208	Nguyễn Thùy Như	Ái	12-Jun-03				6	Lớp 6.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
209	Nguyễn Quốc	Đạt	04-Jan-03				6	Lớp 6.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
210	Vòng Gia	Huy	20-Dec-03				6	Lớp 6.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
211	Lương Quang	Minh	20-May-03				6	Lớp 6.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
212	Huỳnh Thục	Ninh	05-Oct-03				6	Lớp 6.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
213	Nguyễn Phạm Gia	Hy	02-Dec-03				6	Lớp 6.10	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
214	Nguyễn Huỳnh Nam	Khánh	16-Dec-03				6	Lớp 6.10	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
215	Nguyễn Xuân	Mai	29-Apr-03				6	Lớp 6.10	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
216	Nguyễn Trần Thiên	Ân	08-Jan-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
217	Mã Uyển	Linh	20-Mar-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
218	Phuong Mỹ	Linh	01-Aug-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
219	Võ Đăng Thảo	Nguyên	16-Jun-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
220	Phạm Tuấn	Phong	12-Feb-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
221	Nguyễn Ngô Quốc	Thái	24-Mar-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
222	Nguyễn Hữu	Toàn	06-Oct-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
223	Nguyễn Hữu	Vinh	31-Mar-03				6	Lớp 6.11	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
224	Dương Ngọc Lan	Anh	22-Mar-03				6	Lớp 6.4	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
225	Phạm Gia	Khánh	01-Jan-03				6	Lớp 6.8	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
226	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	06-Jul-03				6	Lớp 6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
227	Mai Trọng	Hiếu	05-Sep-03				6	Lớp 6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
228	Nguyễn Hằng	Nga	03-Feb-03				6	Lớp 6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
229	Hồ Bảo	Ngọc	26-Sep-03				6	Lớp 6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
230	Nguyễn Đức Nhật	Quang	07-Mar-03				6	Lớp 6/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
231	Ngô Mẫn Thiên	Ân	27-Dec-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
232	Lê Huỳnh Quốc	Khánh	08-Aug-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
233	Mai Nguyễn Ánh	Linh	26-Aug-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
234	Châu Đức	Ngân	11-Apr-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
235	Danh Bảo	Như	15-Aug-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
236	Bành Thực	Uyên	17-Jan-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
237	Lâm Thanh	Uyên	02-Feb-03				6	Lớp 6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
238	Nguyễn Thúy Quỳnh	Anh	26-Jan-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
239	Chang Wei	Chen	22-Apr-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
240	Dam Yen	Hsin	08-Mar-02				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
241	Đoàn Khánh	Luân	25-Apr-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
242	Hoàng Trọng	Phú	15-Feb-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
243	Nguyen Judy	Tram	14-Aug-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
244	Lương Nguyễn Phương	Uyên	03-Sep-03				6	Lớp 6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
245	Nguyễn Hoàng Đức	Minh	23-Aug-03				6	Lớp 6/14	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
246	Mai Trúc	Thảo	11-Jun-03				6	Lớp 6/14	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
247	Lee Ha	Min	22-Aug-03				6	Lớp 6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
248	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	30-May-03				6	Lớp 6/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
249	Nguyễn Thành	Đạt	19-May-03				6	Lớp 6/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
250	Cần Phạm Gia	Linh	16-Jul-03				6	Lớp 6/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
251	Vũ Gia Bình	An	12-May-03				6	Lớp 6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
252	Hồ Nguyễn Thiên	Ân	13-Mar-03				6	Lớp 6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
253	Đặng Quỳnh	Anh	09-Jun-03				6	Lớp 6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
254	Nguyễn Trọng	Nghĩa	06-Mar-03				6	Lớp 6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
255	Nguyễn Ngọc Thành	Nhân	28-Jan-03				6	Lớp 6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
256	Dương Tuấn	Anh	22-Jul-03				6	Lớp 6/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
257	Nguyễn Trần Khánh	Minh	29-Nov-03				6	Lớp 6/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
258	Phạm Đức	Duy	11-Dec-03				6	Lớp 6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
259	Nguyễn Ngọc Khải	Huyền	01-Jan-03				6	Lớp 6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
260	Trương Khánh	Tín	29-Nov-03				6	Lớp 6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
261	Huỳnh Lê Anh	Tuấn	03-Dec-03				6	Lớp 6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
262	Pravina	Wuttipong	21-Oct-03				6	Lớp 6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
263	Nguyễn Ngọc Hà	Anh	17-Dec-03				6	Lớp 6/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
264	Bùi Đoàn Thủy	Tiên	31-May-03				6	Lớp 6/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
265	Võ Vân	Anh	14-Sep-03				6	Lớp 6/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách
266	Huỳnh Gia	Tiến	27-Jan-03				6	Lớp 6/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách
267	Nguyễn Song	Toàn	29-Aug-03				6	Lớp 6/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
268	Nguyễn Thị Châu	Trinh	19-Mar-03				6	Lớp 6/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách
269	Nguyễn Đăng	Đạt	21-Dec-03				6	Lớp 6/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
270	Bành Lê Diễm	Quỳnh	20-Aug-03				6	Lớp 6/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
271	Trịnh Thanh	Thảo	14-Feb-03				6	Lớp 6/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
272	Nguyễn Ngọc Hoàng	Khánh	25-Sep-03				6	Lớp 6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
273	Trần Bội	Nghi	04-May-03				6	Lớp 6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
274	Ngô Hà Anh	Thư	09-Nov-03				6	Lớp 6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
275	Hoàng Tường	Thụy	17-Mar-03				6	Lớp 6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
276	Trần Hồ Anh	Thư	03-Aug-03				6	Lớp 6/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
277	Hứa Bội	Châu	22-Jul-03				6	Lớp 6/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
278	Trần Quốc	Khánh	27-Sep-03				6	Lớp 6/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
279	Ngô Quang	Minh	13-May-03				6	Lớp 6/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
280	Nguyễn Xuân Ngọc	Minh	27-Jan-03				6	Lớp 6/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
281	Ngô Nhật Phương	Trung	26-Apr-02				6	Lớp 6/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
282	Trần Kỳ Phương	An	21-Jul-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
283	Đinh Hoàng Nhã	Anh	19-Apr-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
284	Huỳnh Minh Khánh	Anh	06-Nov-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
285	Lê Linh	Đan	10-Oct-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
286	Park Bùi Hoàng	Elizabeth	21-Mar-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
287	Phan Quốc	Huy	08-Jul-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
288	Nguyễn Phước	Khang	25-May-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
289	Trần Huỳnh	Quang	02-Aug-03				6	Lớp 6/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
290	Nguyễn Thanh	Bình	25-Dec-03				6	Lớp 6/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
291	Lê Đăng Gia	Huy	16-Sep-03				6	Lớp 6/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
292	Nguyễn Lương Anh	Minh	06-Dec-03				6	Lớp 6/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
293	Lâm Quốc	Tín	21-Oct-03				6	Lớp 6/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
294	Nguyễn	Tuân	13-Jun-03				6	Lớp 6/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
295	BÃcker Nguyễn Mỹ	An	26-Oct-03				6	Lớp 6/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
296	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	02-Nov-03				6	Lớp 6/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
297	Phan Ngọc Quỳnh	Nghi	30-Sep-03				6	Lớp 6/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
298	Đặng Nguyễn	Phúc	08-Sep-03				6	Lớp 6/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
299	Đỗ Trung	Quân	03-Jan-03				6	Lớp 6/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
300	Trần Thanh Bảo	Châu	23-Oct-03				6	Lớp 6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
301	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	03-May-03				6	Lớp 6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
302	Trương Hồ Phương	Minh	08-Oct-03				6	Lớp 6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
303	Nguyễn Hoàng Nhật	Tân	03-Jun-03				6	Lớp 6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
304	Võ Ngọc Vũ	Yên	29-Apr-03				6	Lớp 6/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
305	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	20-Jul-03				6	Lớp 6/3	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
306	Trần Trọng	Phúc	16-Nov-03				6	Lớp 6/3	THCS Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
307	Nguyễn Khương	Thịnh	28-May-03				6	Lớp 6/3	THCS Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
308	Văn Vũ Phương	Uyên	06-Mar-03				6	Lớp 6/3	THCS Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
309	Dương Vũ	Minh	14-Nov-03				6	Lớp 6/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
310	Võ Hoàng	Quyên	19-Jun-03				6	Lớp 6/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
311	Nguyễn Khả	Ánh	04-Jun-03				6	Lớp 6/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
312	Mã Khải	Ly	23-Jun-03				6	Lớp 6/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
313	Lương Minh	Vũ	19-Jul-03				6	Lớp 6/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
314	Nguyễn Quốc	Hung	20-Apr-03				6	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
315	Lu Kim	Huy	13-Jan-03				6	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
316	Somadiova	Lucie	27-Jun-03				6	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
317	Mina Quynh Anh	Pham	24-Jun-03				6	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
318	Nguyễn Ngọc Trúc	Giang	18-Dec-03				6	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
319	Nguyễn Ngô Ngọc	Nhi	19-Aug-03				6	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
320	Trần Như	Tâm	03-May-03				6	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
321	Nguyễn Minh	Tấn	14-Dec-03				6	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
322	Hồ Đắc Trang	Thy	18-Oct-03				6	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
323	Trần Hữu	Lộc	01-Dec-03				6	Lớp 6/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
324	Ong Hải	Yến	13-Feb-03				6	Lớp 6/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
325	Lê Gia	Bảo	20-Mar-03				6	Lớp 6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
326	Đào Phú	Khang	11-Apr-03				6	Lớp 6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
327	Vũ Thùy	Linh	17-Jan-03				6	Lớp 6/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
328	Đào Lê	Minh	01-Jun-03				6	Lớp 6/4	THCS Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
329	Hoàng Minh	Anh	19-Jun-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
330	Haagsma Uyen	Belita	04-Jul-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
331	Hoàng Trần Quang	Đại	23-Nov-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
332	Trần Lê	Hoa	02-May-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
333	Trần Quang	Hung	08-Dec-02				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
334	Bùi Văn Cao	Khang	02-Jun-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
335	Cao	Minh	07-Apr-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
336	Phạm Thuần	Phong	04-Nov-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
337	Trần Mai	Phương	12-Feb-03				6	Lớp 6/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
338	Nghê Ngọc Phương	Anh	02-Mar-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
339	Chu Anh	Đạt	05-Aug-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
340	Phạm Minh	Đức	25-Nov-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
341	Phạm	Dũng	01-Dec-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
342	Nguyễn Khánh	Duy	17-Sep-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
343	Le Nam Anh	Jennifer Primett	06-Mar-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
344	Nguyễn Tấn	Khoa	10-Nov-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
345	Lưu Hiền	Ngân	08-Feb-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
346	Nguyễn Sỹ Minh	Quân	24-Jul-03				6	Lớp 6/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
347	Lê Hoàng	Hân	08-Sep-03				6	Lớp 6/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
348	Nguyễn Minh	Uyên	16-Sep-03				6	Lớp 6/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
349	Nguyễn Hoàng	Vân	11-Apr-03				6	Lớp 6/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
350	Nguyễn Phan Hùng	Cường	07-Aug-03				6	Lớp 6/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
351	Cao Minh	Hoàng	28-Sep-03				6	Lớp 6/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
352	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	12-Jun-03				6	Lớp 6/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
353	Nguyễn Nam	Quân	08-Jan-03				6	Lớp 6/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
354	Trần Nguyễn Thu	Ngân	06-Aug-03				6	Lớp 62	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Đặc cách
355	Lê Hà Tâm	Quỳnh	26-Nov-03				6	Lớp 62	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Đặc cách
356	Mai Bảo	Hy	02-Mar-03				6	Lớp 6A10	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
357	Cao Minh	Quân	23-Jan-03				6	Lớp 6A10	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
358	Nguyễn Đình Nhật	Quang	12-Jan-03				6	Lớp 6A10	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
359	Lục Gia	Bình	28-Feb-03				6	Lớp 6A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
360	Vũ Đức	Duy	21-Aug-03				6	Lớp 6A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
361	Đình Duy	Khang	27-Nov-03				6	Lớp 6A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
362	Nguyễn Tấn	Thịnh	01-Jan-03				6	Lớp 6A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
363	Phan Nguyễn Thủy	Tiên	05-Mar-03				6	Lớp 6A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
364	Nguyễn Huỳnh Bảo	Khánh	11-Sep-03				6	Lớp 6A12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
365	Tân Hoàng Thanh	Vy	26-Oct-03				6	Lớp 6A12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
366	Phan Nguyễn Trúc	Linh	30-Jan-03				6	Lớp 6A3	THPT Sương Nguyệt Anh	Đặc cách
367	Bành Minh	Anh	28-May-03				6	Lớp 6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
368	Huỳnh Gia	Huy	15-Feb-03				6	Lớp 6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
369	Huỳnh Tấn	Phát	15-Nov-03				6	Lớp 6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
370	Nguyễn Quang	Vinh	23-Feb-03				6	Lớp 6A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
371	Nguyễn Quốc Phổ	Nghi	26-Dec-02				6	Lớp 6A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
372	Phạm Tuấn	Khôi	21-Oct-02				6	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
373	Triệu Thị Như	Ngọc	25-Jul-02				6	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
374	Giang Hỷ	Tiến	04-Feb-02				6	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
375	Lê Minh	Trung	05-Jan-02				6	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
376	Chung Mạnh	Khang	06-Oct-02				6	Lớp 7/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
377	Pan Nghi	Nhân	14-May-02				6	Lớp 7/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
378	Phạm Hoàng	Yến	17-Jul-02				6	Lớp 7/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
379	Đào Gia	Hòa	14-Nov-02				6	Lớp 7/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
380	Trần Trương Bảo	Ngọc	12-Mar-02				6	Lớp 7/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
381	Lâm Tín	Diệu	18-Aug-02				6	Lớp 7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
382	Lâm	Huy	20-Sep-02				6	Lớp 7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
383	Trịnh Duy	Phương	30-Nov-02				6	Lớp 7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
384	Nguyễn Hoàng Thanh	Tâm	01-Feb-02				6	Lớp 7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
385	Âu Gia	Thành	27-Jun-02				6	Lớp 7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
386	Võ Nguyễn Minh	Đoan	28-May-01				6	Lớp 8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
387	Phạm Bùi Phương	Khoa	10-Sep-01				6	Lớp 8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
388	Trương Ngọc	Anh	20-Nov-01				6	Lớp 8/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
389	Lư Gia	Huy	23-Nov-01				6	Lớp 8/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
390	Phạm Xuân	Nhi	18-Oct-01				6	Lớp 8/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
391	Nguyễn Quốc Khánh	Tuyên	24-Aug-01				6	Lớp 8/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
392	Âu Dương Thiên	Ân	20-Jan-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
393	Phạm Xuân Kỳ	Anh	24-Sep-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
394	Thái Anh	Hào	01-Dec-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
395	Âu Dương Thiên	Hùng	23-Dec-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
396	Lê Thảo	My	04-Nov-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
397	Thái Uyển	Nhân	01-Dec-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
398	Nguyễn	Steven	07-Jun-00				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
399	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30-Oct-01				6	Lớp 8/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
400	Phan Huy	Long	06-Oct-01				6	Lớp 8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
401	Huỳnh Ngọc Yển	Nhi	18-Dec-01				6	Lớp 8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
402	Phan Hoàng	Nhiên	29-Sep-01				6	Lớp 8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
403	Lê Thị Hồng	Gấm	03-Oct-00				6	Lớp 9/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
404	Trần Quang	Huy	26-Aug-00				6	Lớp 9/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
405	Hồ Ngọc Cẩm	Tú	18-Nov-00				6	Lớp 9/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
406	Bùi Lê Phụng	My	01-Apr-00				6	Lớp 9/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
407	Trần Hạo	Nguyên	06-May-00				6	Lớp 9/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
408	Nguyễn Phan Thành	Long	08-Nov-00				6	Lớp 9/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
409	Nguyễn Phúc	Minh	24-Feb-00				6	Lớp 9/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
410	Trần Ngô Quế	Anh	01-Feb-00				6	Lớp 9/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
411	Hứa Lê Nguyễn Kim	Ngân	24-Apr-00				6	Lớp 9/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
412	Trần Lý Ngọc	An	08-Nov-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
413	Nguyễn Trần Thiên	Ân	25-Mar-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
414	Phạm Phương	Anh	22-Aug-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
415	Dương Cẩm	Đào	01-Jun-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
416	Trần Kiều Mỹ	Duyên	29-May-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
417	Huỳnh Thu	Giang	30-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
418	Phạm Gia	Hân	18-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
419	Châu San	Hào	25-Oct-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
420	Lương Lý Chiêu	Hoàng	17-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
421	Đào Ngọc Phương	Khanh	11-Feb-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
422	Đình Nhật Xuân	Mai	24-Oct-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
423	Tăng Tuệ	Mẫn	03-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
424	Thái Tú	Mẫn	14-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
425	Huỳnh Võ Kim	Ngân	13-Jan-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
426	Nguyễn Thành	Nhân	23-Dec-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
427	Trịnh Thanh	Nhi	10-Nov-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
428	Kha Trương Đại	Phước	31-Jul-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
429	Nguyễn Hoàng	Quân	21-Feb-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
430	Huỳnh Ngọc	Tài	14-Jun-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
431	Tăng Đức	Thành	05-Oct-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
432	Phan Anh	Tôn	15-Nov-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
433	Thang Thúy	Trang	14-Jun-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
434	Nguyễn Phúc Cát	Tường	15-Aug-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
435	Nguy Yên	Vận	26-Apr-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
436	Trần Vy	Vy	02-Oct-04				6		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
437	Trần Minh	Khôi	16-Nov-03				7	7	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
438	Nguyễn Thụy Khánh	Linh	26-Sep-03				7	7	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
439	Trần Bạch	Dương	11-Jan-03				7	7	Việt Úc	Đặc cách
440	Hồng Như	Thảo	15-Feb-03				7	7	Việt Úc	Đặc cách
441	Phan Nguyễn Minh	Anh	17-Oct-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
442	Giang Tuấn	Kiệt	17-Apr-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
443	Huỳnh Phương	Nghi	27-Mar-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
444	Nguyễn Trần Đan	Nhi	05-Jul-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
445	Huỳnh Nguyên	Phương	06-Mar-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
446	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	05-Jun-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
447	Hoa Tường	Vi	16-Sep-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
448	Phùng Thị Hà	Vi	22-May-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
449	Phạm Lê	Vy	30-Jan-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
450	Ngô Huyền Khánh	An	19-Mar-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
451	Đào Đăng	Khoa	01-Jan-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
452	Trần Phương	Vy	26-Mar-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
453	Ngô Thịnh	Đức	09-Mar-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
454	Ma Hồng	Hân	19-May-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
455	Lý Anh	Khôi	23-Oct-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
456	Lê Mỹ	Linh	06-Dec-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
457	Đoàn Hải	Nghi	10-Jun-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
458	Nguyễn Ngọc Tuyết	Như	06-Sep-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
459	Ngô Nguyễn Ngọc	Vân	05-Dec-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
460	Ngô Minh	Anh	09-Apr-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
461	Nguyễn Ngọc Hải	Anh	19-Jul-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
462	Lý Gia	Bửu	20-Sep-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
463	Phan Trương Minh	Đức	18-Oct-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
464	Hoàng Mỹ	Duyên	11-Jan-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
465	Hồ Sỹ Tuấn	Khang	24-May-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
466	Lê Nguyên	Khang	22-Sep-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
467	Đinh Vũ Đăng	Khôi	31-Aug-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
468	Hạ Phi	Long	10-Jun-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
469	Đoàn Quang	Minh	07-Mar-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
470	Đoàn Huỳnh Tâm	Như	04-Sep-03				7	7.5	Việt Úc	Đặc cách
471	Nguyễn Thịnh	Phúc	19-Jan-03				7	7.5	Việt Úc	Đặc cách
472	Nguyễn Phúc	Thịnh	19-Jan-03				7	7.5	Việt Úc	Đặc cách
473	Nguyễn Trang Nhựt	Tiên	31-Mar-03				7	7.5	Việt Úc	Đặc cách
474	Giang Hoàng	Tùng	27-Oct-03				7	7.5	Việt Úc	Đặc cách
475	Châu Thanh	Ngọc	11-Mar-03				7	7.6	Việt Úc	Đặc cách
476	Phạm Ngọc Linh	Đan	19-Jan-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
477	Bùi Bình Minh	Khuê	21-Mar-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
478	Đình Khánh	Linh	23-Mar-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
479	Đặng Giang Kim	Ngân	13-Sep-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
480	Nguyễn Võ Bảo	Nghi	17-Jun-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
481	Trần Thiên	Phúc	28-Dec-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
482	Lạc Thiên	Quang	21-Oct-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
483	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	06-Mar-03				7	7.7	Việt Úc	Đặc cách
484	Nguyễn Gia	Bảo	01-Jan-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
485	Lạc Chấn	Hiền	30-Nov-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
486	Phạm Minh	Hoàng	31-Jul-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
487	Võ Trần Tuấn	Kiệt	24-Jul-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
488	Phù Dung Trọng	Nhân	13-Oct-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
489	Hồ Quốc	Trí	03-Jan-03				7	7.8	Việt Úc	Đặc cách
490	Nguyễn Claire Ái	Châu	27-May-03				7	7.9	Việt Úc	Đặc cách
491	Dương Nhan	Thanh	21-Jan-03				7	7.9	Việt Úc	Đặc cách
492	Lương Ngọc	Lân	10-May-03				7	7/1	Lạc Hồng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
493	Nguyễn Quý Bảo	Trâm	28-Nov-03				7	7/1	Lạc Hồng	Đặc cách
494	Trần Mỹ Tâm	Nữ	31-Jan-02				7	7/1	Sương nguyệt anh	Đặc cách
495	Phan Hữu	Nhân	13-Mar-03				7	'7/1	Nguyễn Văn Tồ	Đặc cách
496	Lê Vĩnh	Khang	23-Mar-03				7	'7/2	Nguyễn Văn Tồ	Đặc cách
497	Hoàng Hồ Ngọc	Hân	17-Jun-03				7	7/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
498	Trần Cao Khánh	Ngọc	29-Sep-03				7	7/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
499	Bùi Trí	Khang	09-Jun-03				7	'7/3	Nguyễn Văn Tồ	Đặc cách
500	Nguyễn Nhật Vân	Anh	01-Jul-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
501	Nguyễn Khánh	Đoan	01-Sep-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
502	Trương Song	Đức	19-Nov-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
503	Ngô Phương	Minh	04-Apr-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
504	Diệp Mẫn	Nghi	03-Jul-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
505	Lê Châu Hải	Ngọc	13-Aug-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
506	Trần Như	Tâm	03-May-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
507	Đỗ Song	Trà	29-Apr-03				7	7/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
508	Nguyễn Tất Thu	Hoàn	27-Dec-03				7	7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
509	Trương Ngọc	Mỹ	22-Apr-03				7	7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
510	Dương Ngọc Minh	Thư	14-Dec-03				7	7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
511	Bùi Mỹ	Tiên	26-Dec-03				7	7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
512	Trần Khánh	Vân	27-Aug-03				7	7/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
513	Huỳnh Phan Phú	Cảnh	10-Apr-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
514	Châu Tấn	Đạt	02-Oct-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
515	Nguyễn Mai	Hân	28-Sep-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
516	Nguyễn Minh	Khang	19-Nov-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
517	Nguyễn Đăng	Khoa	02-Jun-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
518	Huỳnh Kim	Ngân	22-Jul-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
519	Trần Quốc Sỹ	Nguyên	24-Apr-03				7	7/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
520	Nguyễn Lê	Huy	20-Apr-03				7	7/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
521	Ngô Kim	Ngân	25-Jun-03				7	7/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
522	Nguyễn Minh	Tuấn	09-Dec-03				7	7/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
523	Đỗ Tạ Minh	Quân	04-Mar-03				7	'7/4	Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
524	Đỗ Phạm Khánh	Duy	12-Dec-03				7	'7/5	Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
525	Vũ Nguyễn Bảo	Hân	11-Oct-03				7	'7/7	Trần Phú	Đặc cách
526	Phạm Hồng	Ngọc	15-Nov-03				7	'7/7	Trần Phú	Đặc cách
527	Trần Nhã	Quỳnh	14-Jun-03				7	'7/8	Trần Phú	Đặc cách
528	Nguyễn Lê Ngọc	Bích	21-Sep-03				7	7A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
529	Châu Hoàng	Minh	12-Jun-03				7	7A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
530	Nguyễn Anh	Thư	23-Feb-03				7	7A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
531	Vũ Đào Anh	Thư	28-Jan-03				7	7A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
532	Đặng Thái Hoàng	Trâm	10-Dec-03				7	7A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
533	Huỳnh Nghĩa	Kiệt	07-Jan-03				7	Lớp 6/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
534	Nhâm Đặng Bình	Minh	27-Jun-03				7	Lớp 6/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
535	Thái Mỹ	Như	09-May-03				7	Lớp 6/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
536	Lau Bảo	Phương	22-Feb-03				7	Lớp 6/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
537	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	05-Sep-03				7	Lớp 6/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
538	Hoàng Trần Thiên	Thanh	10-Jul-03				7	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
539	Ngô Hoàng Bảo	Trân	20-Nov-03				7	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
540	Trần Trương Bảo	Trân	08-Oct-03				7	Lớp 6/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
541	Phạm Trần Trường	An	21-Jan-03				7	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
542	Trần Duy	Khang	15-Nov-03				7	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
543	Huỳnh Thiệu	Luân	02-Jan-03				7	Lớp 6/37	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
544	Trần Ngọc Vân	Anh	04-Jan-03				7	Lớp 6/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
545	Trần Hà Gia	Hy	17-Sep-03				7	Lớp 6/38	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
546	Trần Kim	Châu	14-Aug-03				7	Lớp 6/39	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
547	Lê Tự Minh	Anh	20-Oct-03				7	Lớp 6/41	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
548	Lê Nguyễn Hải	Đăng	19-Jan-03				7	Lớp 6/41	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
549	Huỳnh Kim	Hải	06-Apr-03				7	Lớp 6/41	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
550	Nguyễn Gia	Huy	17-Sep-03				7	Lớp 6/41	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
551	Nguyễn Thái Thanh	Vân	05-Dec-03				7	Lớp 6/41	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
552	Nguyễn Gia	Hương	18-Dec-02				7	Lớp 7.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
553	Bùi Khánh	Khoa	01-Jan-02				7	Lớp 7.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
554	Tung Tuấn	Kiệt	09-Dec-02				7	Lớp 7.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
555	Nguyễn Lý Khánh	Lam	24-Jun-02				7	Lớp 7.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
556	Trần	Phong	30-Nov-02				7	Lớp 7.1	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
557	Nguyễn Quốc	Bảo	19-Sep-02				7	Lớp 7.10	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
558	Phan Nguyên	Bình	24-Oct-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
559	Vũ Trần Trọng	Hiếu	06-Apr-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
560	Lê Nguyễn Ngoan	Huy	12-Jan-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
561	Thái Nguyễn Khánh	Linh	06-Sep-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
562	Nguyễn Châu Hải	Ngọc	16-May-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
563	Lê Nguyễn Minh	Thư	07-Apr-02				7	Lớp 7.5	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
564	Mai Phước Minh	Quân	13-Mar-02				7	Lớp 7.6	TH,THCS,THPT Việt Úc	Đặc cách
565	Trần Xuân	Bách	03-May-02				7	Lớp 7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
566	Nguyễn Nhật	Hiền	15-Apr-02				7	Lớp 7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
567	Trần Quốc	Minh	26-Sep-02				7	Lớp 7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
568	Nguyễn Thị Quế	Thư	26-Jan-02				7	Lớp 7/1	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
569	Văn Ngọc Quỳnh	Trang	18-Jul-02				7	Lớp 7/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
570	Lê Hải	An	24-Jan-02				7	Lớp 7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
571	Nguyễn Phú	Cường	04-Dec-02				7	Lớp 7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
572	Đỗ Quý Nhật	Khoa	18-Nov-02				7	Lớp 7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
573	Vũ Thiên	Ái	13-May-02				7	Lớp 7/14	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
574	Đỗ Hoàng Mai	Hương	15-Oct-02				7	Lớp 7/14	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
575	Nguyễn Đăng Nhật	Minh	16-Jun-02				7	Lớp 7/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
576	Phan Phạm Huy	Trí	30-Jan-02				7	Lớp 7/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
577	Nguyễn Đức Duy	Bảo	18-Dec-02				7	Lớp 7/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
578	Lê Quang	Duy	17-Aug-02				7	Lớp 7/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
579	Lê Hồ Phú	Anh	07-Jul-02				7	Lớp 7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
580	Nguyễn Thanh	Duyên	03-Jan-02				7	Lớp 7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
581	Tôn Thất Bảo	Minh	02-Oct-02				7	Lớp 7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
582	Nguyễn Phú	Thành	06-Dec-02				7	Lớp 7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
583	Trương Thanh	Ngân	02-Jan-02				7	Lớp 7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
584	Huỳnh Bảo Đăng	Thanh	28-Dec-02				7	Lớp 7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
585	Nguyễn Thị Tôn Nữ Bảo	Vân	01-Feb-02				7	Lớp 7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
586	Huỳnh Phương Ý	Yên	06-Apr-02				7	Lớp 7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
587	Handa Minh	Nhật	27-Aug-02				7	Lớp 7/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
588	Đoàn Bùi Hạnh	Tiên	01-Sep-02				7	Lớp 7/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
589	Trương Đoàn Thụy	Uyên	19-Mar-02				7	Lớp 7/2	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
590	La Phụng	Mỹ	15-Oct-02				7	Lớp 7/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách
591	Khổng Thuý	Nga	17-Feb-02				7	Lớp 7/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách
592	Nguyễn Ngọc	Phi	10-Jul-02				7	Lớp 7/2	THPT Diên Hồng	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
593	Nguyễn Vĩ	Khang	30-Nov-02				7	Lớp 7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
594	Châu Minh	Quân	27-Jun-02				7	Lớp 7/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
595	Bùi Xuân	Vĩnh	23-Sep-02				7	Lớp 7/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
596	Bùi Thị Hồng	Nhung	22-Jan-02				7	Lớp 7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
597	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh	13-Aug-02				7	Lớp 7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
598	Huỳnh Văn	Thuận	10-Dec-02				7	Lớp 7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
599	Lee Mỹ	Linh	17-Dec-02				7	Lớp 7/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
600	Lê Đại	Minh	30-Aug-02				7	Lớp 7/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
601	Nguyễn Phan Trường	Phước	30-Aug-02				7	Lớp 7/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
602	Phan Hoàng Đan	Vy	25-May-02				7	Lớp 7/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
603	Mai Hồ Nhật	Minh	09-Nov-02				7	Lớp 7/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
604	Elena	Yoda	03-Oct-01				7	Lớp 7/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
605	Vũ	Hạo	21-May-02				7	Lớp 7/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
606	Yun Sang	Ho	15-Mar-02				7	Lớp 7/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
607	Lê Trường	Khang	02-May-02				7	Lớp 7/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
608	Trương Cao Bá	Trí	16-Apr-02				7	Lớp 7/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
609	Lương Triệu	Lam	11-Dec-02				7	Lớp 7/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
610	Lê Hồng	Phúc	19-Oct-02				7	Lớp 7/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
611	Hứa Minh	Thư	07-Feb-02				7	Lớp 7/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
612	Phạm Kiến	Đạt	04-May-02				7	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
613	Nguyễn Đình	Thắng	15-Mar-02				7	Lớp 7/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
614	Lâm Thành	Đạt	16-Nov-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
615	Nguyễn Đức	Huy	28-Jan-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
616	Võ Thị Ngọc	Mai	02-Dec-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
617	Lý Quỳnh	Nhur	07-Jul-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
618	Nguyễn Tuệ	San	12-May-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
619	Trang Minh	Thư	28-Mar-02				7	Lớp 7/3	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
620	Huỳnh Gia	Lộc	15-Nov-02				7	Lớp 7/3	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
621	Quách Nhựt	Phương	02-Mar-02				7	Lớp 7/3	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
622	Bùi Phú	Khoa	25-Oct-02				7	Lớp 7/3	THCS Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
623	Huỳnh Thiệu	Kỳ	04-Dec-02				7	Lớp 7/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
624	Quách Thành	Lâm	04-Oct-02				7	Lớp 7/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
625	Khuru Anh	Vũ	17-Mar-02				7	Lớp 7/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
626	Dương Bội	Bội	10-Jan-02				7	Lớp 7/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
627	Nguyễn Vũ Thanh	Ngân	02-Dec-02				7	Lớp 7/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
628	Nguyễn Song Quỳnh	Anh	29-Dec-02				7	Lớp 7/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
629	Bùi Lý Đông	Nghi	21-Feb-02				7	Lớp 7/4	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
630	Trần Ngọc Minh	Khoa	05-Sep-02				7	Lớp 7/4	THPT Diên Hồng	Đặc cách
631	Đỗ Hoàng Nhật	Minh	05-Dec-02				7	Lớp 7/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
632	Nguyễn Trần Kim	Ngân	05-Oct-02				7	Lớp 7/5	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
633	Lâm Tuấn	Đôn	04-Nov-02				7	Lớp 7/5	THCS Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
634	Vương Hiên	Khánh	08-Oct-02				7	Lớp 7/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
635	Huỳnh Công	Nghĩa	20-Sep-02				7	Lớp 7/6	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
636	Võ Thụy Mỹ	Anh	24-May-02				7	Lớp 7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
637	Nguyễn Cửu	Phước	09-Oct-02				7	Lớp 7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
638	Trần Phạm Bảo	Trâm	12-Nov-02				7	Lớp 7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
639	Tô Hữu	Tuấn	10-Dec-02				7	Lớp 7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
640	Nguyễn Kim	Duyên	30-Nov-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
641	Phạm Gia	Hy	24-Feb-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
642	Phạm Gia	Khánh	30-Dec-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
643	Trần Nguyễn Minh	Khôi	24-Apr-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
644	Dương Minh	Phi	16-Nov-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
645	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	02-Mar-02				7	Lớp 7/7	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
646	Ngô Vĩnh	Khang	26-May-02				7	Lớp 7_5	THCS Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
647	Nguyễn Văn	Hùng	31-Mar-02				7	Lớp 7A10	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
648	Phạm Linh	Đan	08-Jun-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
649	Phí Đỗ Khánh	Linh	27-Nov-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
650	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	31-Jan-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
651	Ngô Mẫn	Nhi	20-Aug-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
652	Cao Thiên	Phong	14-Jul-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
653	Trương Đặng Phương	Quỳnh	29-Oct-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
654	Bành Minh	Trí	04-Mar-02				7	Lớp 7A11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
655	Nguyễn Lưu Hoàng	Anh	23-May-02				7	Lớp 7A12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
656	Đoàn Ngọc	Dũng	26-Oct-02				7	Lớp 7A12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
657	Trương Tuấn	Anh	09-Nov-02				7	Lớp 7a14	THCS Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
658	Jung Sung	Oh	28-Jan-02				7	Lớp 7A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
659	Phạm Ngọc Minh	Thư	24-May-02				7	Lớp 7A8	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
660	Lê Đức	Huy	02-Mar-02				7	Lớp 7A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
661	Nguyễn Hữu	Phúc	27-Mar-02				7	Lớp 7A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
662	Lê Trần Uyên	Thảo	04-Oct-02				7	Lớp 7A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
663	Nguyễn Lê Gia	Trân	12-Dec-02				7	Lớp 7A9	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
664	Lê Hào	Hán	01-Jul-01				7	Lớp 8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
665	Nguyễn Thành	Long	01-Jan-01				7	Lớp 8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
666	Tô Lương Khải	Phong	23-Nov-01				7	Lớp 8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
667	Nguyễn Tường	Thụy	28-Mar-01				7	Lớp 8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
668	Nguyễn Thanh Thuận	An	15-Apr-01				7	Lớp 8/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
669	Nguyễn Đình Bảo	Hân	17-Apr-01				7	Lớp 8/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
670	Lâm Thục	Nghi	22-Mar-01				7	Lớp 8/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
671	Đỗ Ngọc Thảo	Nhi	23-Jan-01				7	Lớp 8/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
672	Huỳnh Diễm	Phương	20-Aug-01				7	Lớp 8/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
673	Vũ Trần Thu	Hằng	26-Jun-01				7	Lớp 8/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
674	Trần Đức	Khôi	25-Nov-01				7	Lớp 8/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
675	Nguyễn Lê Gia	Linh	17-Mar-01				7	Lớp 8/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
676	Trần Trọng Gia	Minh	10-Aug-01				7	Lớp 8/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
677	Lê Phương	Vy	25-Oct-01				7	Lớp 8/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
678	Lê Quang	Kiệt	19-May-01				7	Lớp 8/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
679	Lê Ngọc	Nhơn	07-Oct-00				7	Lớp 9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
680	Bùi Minh	Trung	27-Aug-00				7	Lớp 9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
681	Phạm Phương	Vy	23-Oct-00				7	Lớp 9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
682	Vũ Nguyễn Phương	Cơ	24-Mar-00				7	Lớp 9/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
683	Trần Lê Đình	Khang	07-Jan-00				7	Lớp 9/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
684	Huỳnh Đỗ Nguyên	Đan	03-Mar-04				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
685	Lưu Thụy	Du	17-Aug-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
686	Phạm Đại	Dương	12-Jun-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
687	Trần Hoàng	Kha	09-Oct-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
688	Huỳnh Minh	Khôi	16-Sep-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
689	Nguyễn Hạ Gia	Nghi	02-Jun-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
690	Võ Khánh	Sinh	10-Mar-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
691	Nguyễn Thử Thông	Tuệ	20-Jul-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
692	Lê Hoàng Khánh	Vy	30-Jul-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
693	Nguyễn Lê Ý	Vy	27-Dec-03				7		Quốc tế Á Châu	Đặc cách
694	Nguyễn Thiên	An	25-Dec-02				8	8	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
695	Võ Linh	Nhi	27-Feb-02				8	8	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
696	Dương Vĩnh	Thiện	03-Mar-02				8	8	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
697	Nguyễn Thanh	Thuận	10-Dec-02				8	8	Sương nguyệt anh	Đặc cách
698	Dương Huệ	Nhi	10-Nov-02				8	8	Việt Úc	Đặc cách
699	Hồ Ngọc Minh	Châu	24-Nov-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
700	Trương Trọng	Hiếu	01-Aug-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
701	Trần Minh	Nhật	06-Aug-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
702	Bùi Thiên Hà	Thủy	11-Dec-02				8	8.2	CMT8	Đặc cách
703	Nguyễn Nguyên Duy	An	28-Jan-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
704	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	04-Jun-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
705	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	24-Nov-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
706	Phan Bảo Song	Hy	04-Jul-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
707	Nguyễn Hoàng Thảo	Linh	27-Jul-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
708	Lâm Thiệu	Lương	31-Mar-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
709	Nguyễn Phương	Nam	28-Sep-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
710	Hồng Hải	Quang	27-Nov-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
711	Nguyễn Huỳnh	Trọng	01-Mar-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
712	Nguyễn Y	Vân	18-Sep-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
713	Mai Tiến	Dũng	29-Sep-02				8	8.3	CMT8	Đặc cách
714	Hoàng Phan Kiều	Khanh	15-Aug-02				8	8.3	CMT8	Đặc cách
715	Phạm Thanh	Thảo	02-Feb-02				8	8.3	CMT8	Đặc cách
716	Trần Quốc	Bảo	15-Feb-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
717	Chu Vĩ	Chí	20-Jul-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
718	Lê Ngọc Hoàng	Dung	30-Oct-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
719	Lý Gia	Hân	05-Jan-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
720	Lênh Tuấn	Huy	12-Nov-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
721	Phạm Trọng	Khang	16-Sep-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
722	Nguyễn Kim	Ngọc	22-Nov-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
723	Nguyễn Xuân	Nguyên	15-Feb-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
724	Nguyễn Khánh Lan	Quỳnh	15-Feb-02				8	8.3	Việt Úc	Đặc cách
725	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	14-Oct-02				8	8.4	CMT8	Đặc cách
726	Trần Đình Tuấn	Khải	18-Aug-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
727	Nguyễn Khắc Hải	Linh	19-Jun-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
728	Đỗ Hồng	Ngọc	25-Oct-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
729	Hồ Ngọc Như	Quỳnh	25-Nov-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
730	Châu Thanh	Tâm	24-Jan-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
731	Phùng Quốc	Thắng	17-May-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
732	Dương Quang	Trung	13-Feb-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
733	Nguyễn Lan Thanh	Tuyền	02-Dec-02				8	8.4	Việt Úc	Đặc cách
734	Quách Vĩ	An	30-Jul-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
735	Trần Mẫn	Linh	04-Aug-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
736	Giang Bảo	Ngọc	16-Aug-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
737	Huỳnh Vĩnh	Phong	15-Feb-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
738	Nghiêm Việt	Quân	12-Oct-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
739	Trần Ngọc Bảo	Quỳnh	23-Sep-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
740	Nguyễn Tri	Tâm	13-Apr-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
741	Huỳnh Ký	Thành	28-May-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
742	Ủ Bá	Thành	17-Oct-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
743	Nguyễn Mạnh	Tường	15-Sep-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
744	Liêu Ngọc	Xuyến	31-Oct-02				8	8.5	Việt Úc	Đặc cách
745	Hồ Quốc	Thịnh	09-May-02				8	8.6	CMT8	Đặc cách
746	Phạm Ngọc Thùy	Hương	18-Sep-02				8	8.6	Việt Úc	Đặc cách
747	Lâm Tuyết	Minh	17-Sep-02				8	8.6	Việt Úc	Đặc cách
748	Lương Hải	Minh	05-Feb-02				8	8.6	Việt Úc	Đặc cách
749	Lê Anh	Tài	17-Mar-02				8	8.6	Việt Úc	Đặc cách
750	Du Chí	Vĩ	04-May-02				8	8.6	Việt Úc	Đặc cách
751	Nguyễn Tùng	Anh	31-May-02				8	8.7	Việt Úc	Đặc cách
752	Phạm Trung	Hiếu	16-Nov-02				8	8.7	Việt Úc	Đặc cách
753	Võ Phạm Hoàng	Tuấn	11-Sep-02				8	8.7	Việt Úc	Đặc cách
754	Nguyễn Ngọc Mai	Uyên	13-Apr-02				8	8.7	Việt Úc	Đặc cách
755	Nguyễn Quốc	Duy	02-Jun-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
756	Tạ Quốc	Huy	24-Mar-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
757	Trần Vĩ	Lân	29-Oct-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
758	Nguyễn Nam Khôi	Nguyên	08-Mar-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
759	Nguyễn Duy Thanh	Nhã	02-Sep-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
760	Đoàn Trọng	Nhân	27-May-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
761	Vương Lê Huy	Vũ	09-Feb-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
762	Vương Lê Quỳnh	Vy	09-Feb-02				8	8.8	Việt Úc	Đặc cách
763	Phan Huỳnh Minh	Duy	18-Dec-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
764	Trang Kim	Hòa	05-Jun-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
765	Lâm Diệu	Hoàng	08-Sep-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
766	Ngô Gia	Huy	09-Mar-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
767	Lê Thảo	My	28-Dec-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
768	Võ Trần Bảo	Ngọc	30-Nov-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
769	Lê Nguyễn Minh	Phú	10-Jun-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
770	Nguyễn Thiên	Phước	29-Sep-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
771	Trần Tường Anh	Thư	26-Feb-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
772	Lê Minh	Triết	21-Oct-02				8	8.9	Việt Úc	Đặc cách
773	Phan Thành	Phú	23-Jul-02				8	8/1	Lạc Hồng	Đặc cách
774	Võ Phạm Minh	Anh	27-Oct-02				8	8/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
775	Lương Minh	Đại	17-Oct-02				8	8/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
776	Lâm Kha Thành	Đạt	17-Dec-02				8	8/26	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
777	Nguyễn Hoàng Trí	Cường	31-Jan-02				8	8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
778	Tiêu Hoàng	Long	13-Oct-02				8	8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
779	Lâm Quế	Phương	20-Aug-02				8	8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
780	Đặng Quan	Vũ	07-Sep-02				8	8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
781	Yeh Trí	Vũ	15-Sep-02				8	8/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
782	Đào Quang	Duy	17-Nov-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
783	Trần Thị Minh	Hào	09-Nov-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
784	Phạm Võ Văn	Khánh	10-Sep-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
785	Trần Khôi	Nguyên	25-Oct-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
786	Cao Hồ Tiến	Sang	14-Oct-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
787	Bùi Lê	Vinh	31-Dec-02				8	8/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
788	Trần Bửu	Chí	03-Mar-02				8	'8/3	Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
789	Nguyễn Đoàn Kim	Khuê	31-Oct-02				8	'8/3	Nguyễn Văn Tố	Đặc cách
790	Nguyễn Tú	Kenny	05-Mar-02				8	8/30	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
791	Chung Gia	An	13-Jan-02				8	8/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
792	Nguyễn Đắc Mạnh	Cang	10-Jan-02				8	8/32	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
793	Phùng Ân	Ân	03-Apr-02				8	8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
794	Nguyễn Phạm Minh	Khôi	19-Feb-02				8	8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
795	Lưu Kỳ	Vân	19-Feb-02				8	8/33	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
796	Lý Gia	Ân	10-Jan-02				8	8/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
797	Nguyễn Phước Hồng	Anh	23-Jan-02				8	8/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
798	Nguyễn Đỗ Gia	Hy	09-Sep-02				8	8/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
799	Nguyễn Thụy Anh	Thư	10-Sep-02				8	8/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
800	Huỳnh Bá Thảo	Nhi	14-Jan-02				8	8/35	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
801	Đặng Bình	Cathy	18-Nov-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
802	Hoàng Hương	Giang	03-Feb-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
803	Âu Dương Thiên	Hạo	11-Mar-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
804	Trần Kim	Khánh	06-Oct-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
805	Hồ Đoàn Ngọc	Linh	24-Aug-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
806	Trình Duy	Phương	30-Nov-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
807	Phạm Dương Diễm	Quỳnh	28-Sep-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
808	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	19-Sep-02				8	8/36	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
809	Bành Lê Mai	Anh	10-Dec-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
810	Phùng Gia	Bảo	18-Jan-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
811	Thân Trọng	Mẫn	10-Dec-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
812	Huỳnh	Tiến	08-Oct-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
813	Nguyễn Lê Thục	Trinh	07-May-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
814	Nguyễn Hồ Tường	Vi	11-Nov-02				8	'8/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
815	Nguyễn Thanh	Tân	09-Jan-02				8	'8/7	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
816	Nguyễn Trương Ngọc	Yến	29-Nov-02				8	'8/7	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
817	Hồ Thanh Tuấn	Anh	16-Sep-02				8	'8/7	Trần Phú	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
818	Trần Hoàng	Đức	16-Sep-02				8	8A3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
819	Tô Tấn	Tài	03-May-02				8		Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
820	Nguyễn Quốc	Duy	05-Dec-01				9	' 9/6	Trần phú	Đặc cách
821	Trần Thiện	Đăng	08-Sep-01				9	9	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
822	Đỗ Thị Thanh	Quyên	07-Sep-01				9	9	Nguyễn Tri Phương	Đặc cách
823	Lê	Minh	26-Jun-01				9	9.1	CMT8	Đặc cách
824	Đào Mai	Vy	08-Dec-01				9	9.1	CMT8	Đặc cách
825	Dương Minh	Huê	11-Jan-01				9	9.1	Việt Úc	Đặc cách
826	Nguyễn Hoàng	Khang	08-Oct-01				9	9.1	Việt Úc	Đặc cách
827	Hồ Sỹ Tuấn	Khôi	22-Jun-01				9	9.1	Việt Úc	Đặc cách
828	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	21-Nov-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
829	Lê Nguyễn Nguyên	Hanh	28-Sep-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
830	Huỳnh Hoàng	Huy	03-Jun-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
831	Nguyễn Quang	Lộc	23-Apr-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
832	Trịnh Tuấn	Lộc	08-Dec-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
833	Nguyễn Thảo	Nguyên	17-Jul-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
834	Ngô Nhật Thảo	Nhi	21-Dec-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
835	Tạ Phước Ý	Như	20-Nov-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
836	Lâm Thanh	Phong	02-Apr-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
837	Lê Trọng	Tín	10-Apr-01				9	9.2	CMT8	Đặc cách
838	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01-Feb-01				9	'9.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
839	Hồ Ngọc Phương	Trinh	14-Aug-01				9	'9.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
840	Nguyễn Xuân	Hoàng	26-Dec-01				9	9.3	Việt Úc	Đặc cách
841	Trần Gia	Minh	12-Oct-01				9	9.3	Việt Úc	Đặc cách
842	Phan Thị Kim	Mỹ	01-Oct-01				9	9.3	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
843	Nguyễn Minh	Uyên	09-Jul-01				9	9.3	Việt Úc	Đặc cách
844	Abidind	Fakihah	28-Sep-01				9	'9.3	CMT8	Đặc cách
845	Võ Hoàng	Lâm	31-Oct-01				9	'9.3	CMT8	Đặc cách
846	Hoàng Hồng	Thảo	17-Jun-01				9	9.4	CMT8	Đặc cách
847	Trịnh Vân	Anh	13-Sep-01				9	9.4	Việt Úc	Đặc cách
848	Chang Min	Cheng	19-May-01				9	9.4	Việt Úc	Đặc cách
849	Ngô Bảo	Ngọc	27-Feb-01				9	9.4	Việt Úc	Đặc cách
850	Huỳnh Bội	Quân	22-Mar-01				9	9.4	Việt Úc	Đặc cách
851	Phan Võ Kỳ	Duyên	21-Dec-00				9	9.5	CMT8	Đặc cách
852	Dương Gia	Hân	07-Feb-01				9	9.5	Việt Úc	Đặc cách
853	Lưu Huỳnh Anh	Kiệt	11-Nov-01				9	9.5	Việt Úc	Đặc cách
854	Lý Nhựt	Toàn	28-Jun-01				9	9.5	Việt Úc	Đặc cách
855	Hà Ngô Lan	Anh	30-Oct-01				9	9.6	Việt Úc	Đặc cách
856	Lữ Phương	Duyên	26-Mar-01				9	9.6	Việt Úc	Đặc cách
857	Quan Ngọc Khánh	Trang	29-Dec-01				9	9.7	Việt Úc	Đặc cách
858	Đặng Công	Bình	05-Jul-01				9	9/1	Sương nguyệt anh	Đặc cách
859	Trần Lê Hương	Giang	18-Jul-01				9	9/2	Lạc Hồng	Đặc cách
860	Lê Quốc	Thắng	05-May-01				9	9/2	Lạc Hồng	Đặc cách
861	Nguyễn Lưu Trí	Anh	11-May-01				9	9/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
862	Nguyễn Đỗ Trúc	Ly	17-Jan-01				9	9/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
863	Võ Hoàng Bảo	Trân	24-Apr-01				9	9/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
864	Đỗ Trần Thành	Thái	11-Jan-01				9	9/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
865	Chung Quảng	Tuấn	20-Oct-01				9	9/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
866	Phương Trạch	Long	15-Jan-01				9	9/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
867	Nguyễn Hào	Hùng	11-Jan-01				9	9/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
868	Phan Nguyễn Lam Nhật	My	13-Sep-01				9	9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
869	Tổng Nhật	Quân	03-Dec-01				9	9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
870	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	01-Sep-01				9	9/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
871	Hứa Ngọc	Đức	07-May-01				9	9/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
872	Dương Thanh	Phúc	30-Mar-01				9	9/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
873	Trần Dũ	Thuận	20-Jul-01				9	9/28	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
874	Nguyễn Mạnh	Đan	02-Jul-01				9	9/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
875	Lưu Hồng	Phương	21-Jul-01				9	9/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
876	Huỳnh Ngọc Phương	Thảo	16-Jun-01				9	9/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
877	Nguyễn Châu Ý	Tiên	28-Apr-01				9	9/29	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
878	Trần Nhân	Hậu	03-Oct-01				9	9/3	Sương nguyệt anh	Đặc cách
879	Phạm Minh Thùy	Lam	25-Jan-01				9	9/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
880	Đặng Đoàn Minh	Quang	04-Oct-01				9	9/31	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
881	Lê Căn	Phú	31-Jan-01				9	9/34	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
882	Phan Thanh Quang	Duy	11-Sep-01				9	'9/6	Nguyễn Văn Tổ	Đặc cách
883	NGUYỄN THỊ	DUNG	07-Jul-05	60115727	6	6/1			DIÊN HỒNG	
884	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	04-Oct-05	60115720	6	6/1			DIÊN HỒNG	
885	TRẦN HIỀU	HIÊN	27-Nov-05	60115729	6	6/1			DIÊN HỒNG	
886	THẠCH KIM	NGÂN	03-Oct-03	60115728	6	6/1			DIÊN HỒNG	
887	NGÔ HOÀNG	QUÂN	04-Jan-05	60115726	6	6/1			DIÊN HỒNG	
888	HỒ VIỆT	QUANG	01-Dec-05	60115722	6	6/1			DIÊN HỒNG	
889	HỒ THIÊN	THƯ'	03-May-05	60115721	6	6/1			DIÊN HỒNG	
890	HUỲNH VĨNH	TIẾN	28-Jun-05	60115724	6	6/1			DIÊN HỒNG	
891	PHẠM NGUYỄN NGÂN	GIANG	05-Jan-05	60115852	6	6/1			LẠC HỒNG	
892	NGUYỄN ĐẶNG MINH	THƯ'	18-Oct-05	60116246	6	6/1			TRẦN PHÚ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
893	NGUYỄN SONG THY	ANH	09-Oct-05	60115411	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
894	BÙI ĐĂNG	KHOA	03-Jan-05	60115398	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
895	NGÔ ĐỨC	MINH	31-Mar-05	60115405	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
896	NGUYỄN BẢO	NGHI	04-Nov-04	60115406	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
897	TRẦN KHANG BẢO	NGỌC	18-Nov-05	60115415	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
898	NGUYỄN CHÍNH	NHÂN	19-Mar-05	60115407	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
899	LÊ VŨ THIÊN	PHÚC	12-Mar-05	60115402	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
900	NGUYỄN ĐỨC ANH	TÀI	19-Nov-05	60115408	6	6/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
901	ĐINH TRẦN KIM	ANH	20-Oct-05	60115730	6	6/2			DIÊN HỒNG	
902	NGUYỄN GIA	HÀO	27-Oct-05	60115735	6	6/2			DIÊN HỒNG	
903	VŨ QUANG	KHẢI	14-Jun-05	60115742	6	6/2			DIÊN HỒNG	
904	LÝ THANH	PHONG	19-Feb-05	60115734	6	6/2			DIÊN HỒNG	
905	NGUYỄN NGỌC HOÀI	THƯỜNG	22-Jul-05	60115736	6	6/2			DIÊN HỒNG	
906	NGUYỄN THÙY	TRÂM	07-Apr-05	60115738	6	6/2			DIÊN HỒNG	
907	PHẠM TRẦN BẢO	TRÂN	22-Jul-05	60115740	6	6/2			DIÊN HỒNG	
908	NGUYỄN NGỌC YẾN	TRINH	28-Sep-05	60115737	6	6/2			DIÊN HỒNG	
909	ĐINH LÊ HOÀNG	ANH	02-May-05	60115880	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
910	TẠ VĂN	MINH	25-Sep-05	60115887	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
911	TẠ HỒNG YẾN	NHI	31-Mar-05	60115886	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
912	TRẦN DƯƠNG KHIẾT	NHI	22-Aug-05	60115888	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
913	LÊ HUỲNH NAM	PHƯƠNG	02-Nov-05	60115884	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
914	HUỲNH BẢO	TRÂN	16-May-05	60115882	6	6/2			NGUYÊN TRI PHƯƠNG	
915	HUỲNH LÊ PHÚC	AN	16-Oct-05	60115965	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
916	LÝ KIM	BẢO	30-Jan-05	60115967	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
917	NGUYỄN KIM	CHÂU	22-Feb-05	60115972	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
918	NGUYỄN HOÀNG	DANH	07-Mar-05	60115971	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
919	TẠ KHẢ	DINH	22-Jul-05	60115978	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
920	TRẦN VĨNH HÂN	HÂN	10-Mar-05	60115980	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
921	LÊ MINH	HUY	06-Nov-05	60115966	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
922	MAI NGUYỄN GIA	LINH	24-Mar-05	60115969	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
923	BÙI HẢI	NAM	08-Nov-05	60115959	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
924	NGÔ MỸ	NGÂN	15-Jun-05	60115970	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
925	ĐỖ YẾN	NHI	02-Dec-05	60115964	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
926	BÙI MINH	PHÚC	16-Feb-05	60115960	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
927	ĐỖ NGUYỄN ANH	QUÂN	14-Aug-05	60115963	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
928	TRẦN NGỌC	QUỲNH	10-Oct-05	60115979	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
929	PHẠM THỊ KIM	THANH	15-Jul-05	60115977	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
930	TRƯƠNG MINH	THIỆN	18-Oct-05	60115981	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
931	NGUYỄN NGỌC ĐAN	THỤY	25-Mar-05	60115974	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
932	LÝ TÚ	TRÂN	28-Feb-05	60115968	6	6/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
933	NGUYỄN TỪ NHẬT	KHANG	10-Jul-05	60118498	6	6/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
934	PHAN TẤN	MINH	07-Oct-05	60118499	6	6/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
935	TRẦN MẠNH	TÙNG	15-Oct-05	60118500	6	6/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
936	HUANG DI	CHINH	28-May-05	60118502	6	6/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
937	HUỲNH BÁ BẢO	HUY	11-Nov-05	60118503	6	6/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
938	PHẠM	KHIÊM	27-Apr-05	60118509	6	6/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
939	NGUYỄN BẢO ANH	THƯ	06-Jul-05	60118505	6	6/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
940	NGUYỄN NGỌC CÁT	TƯỜNG	31-Oct-05	60118507	6	6/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
941	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	01-Sep-05	60118511	6	6/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
942	VŨ TRẦN TUẤN	HÙNG	20-Feb-05	60118519	6	6/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
943	VÕ VIỆT	KHANG	19-Jul-05	60118518	6	6/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
944	GIA KHÁNH	LINH	14-Nov-05	60118513	6	6/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
945	ĐỖ HUỲNH NHẬT	NAM	11-Jul-05	60118512	6	6/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
946	KIỀU THẾ	ANH	08-Nov-05	60118523	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
947	NGUYỄN THÁI GIA	BẢO	06-Jan-05	60118527	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
948	HỒ TẤN	ĐẠT	02-Oct-05	60118521	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
949	TRẦN GIA	HÂN	26-Mar-05	60118531	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
950	NGUYỄN ĐỖ MINH	HÙNG	02-Jan-05	60118526	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
951	VŨ HOÀNG	KHANG	03-Sep-05	60118532	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
952	NGUYỄN TRẦN PHÚC	NGUYỄN	23-Oct-05	60118528	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
953	NGUYỄN VŨ UYÊN	NHI	10-Apr-05	60118529	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
954	HUỲNH VĂN DUY	PHÁT	02-Feb-05	60118522	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
955	ĐẶNG ĐOÀN MINH	TÂN	26-Mar-05	60118520	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
956	PHAN TRẦN TRÚC	VY	17-Jul-05	60118530	6	6/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
957	NGUYỄN MINH	HẠNH	25-Apr-05	60118539	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
958	LÊ TRẦN BẢO	KHOA	01-Jan-05	60118535	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
959	TRƯỜNG MINH	KHÔI	27-Jan-05	60118544	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
960	MAI TRUNG	KIÊN	06-Sep-05	60118537	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
961	ĐỖ TRUNG	KIỆN	03-Jul-05	60118533	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
962	NGÔ TUYẾT	NA	01-Jul-05	60118538	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
963	LIÊN GIA	NGHI	30-Mar-05	60118536	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
964	TẶNG MỸ	NGHI	04-May-05	60118542	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
965	JUAN HAO	RAN	26-Feb-05	60118534	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
966	TIÊU MAI	THU'	17-Dec-05	60118543	6	6/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
967	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	16-Dec-05	60115438	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
968	LÝ TRẦN MINH	HUY	24-Jan-05	60115430	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
969	LƯ TẤN	KHOA	25-Aug-05	60115427	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
970	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	03-Apr-05	60115441	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
971	LÊ HOÀNG	LAM	26-Jul-05	60115423	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
972	LƯƠNG NHẬT	MAI	24-Sep-05	60115429	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
973	DƯƠNG TRÀ	MY	11-Jun-05	60115421	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
974	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGHI	20-Jan-05	60115436	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
975	LÊ NGỌC THIÊN	PHÚC	18-Jan-05	60115424	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
976	NGUYỄN ĐỖ MINH	QUÂN	20-Jul-05	60115433	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
977	LÊ BẢO MINH	THẮNG	21-May-05	60115422	6	6/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
978	VÕ MINH NGỌC	ĐIỆP	08-Mar-05	60115751	6	6/3			DIÊN HỒNG	
979	TRẦN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	02-Aug-05	60115748	6	6/3			DIÊN HỒNG	
980	TRẦN PHƯƠNG	KHANH	09-May-05	60115749	6	6/3			DIÊN HỒNG	
981	LƯƠNG THANH BẢO	NGỌC	08-Sep-05	60115746	6	6/3			DIÊN HỒNG	
982	PHẠM LÊ ĐOAN	PHƯƠNG	03-Oct-05	60115747	6	6/3			DIÊN HỒNG	
983	HOÀNG THỊ GIA	THẢO	16-Aug-05	60115744	6	6/3			DIÊN HỒNG	
984	HỒ THỊ THẢO	VI	17-Apr-05	60115743	6	6/3			DIÊN HỒNG	
985	CHUNG CHÍ	DĨNH	28-May-05	60116158	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
986	TRẦN BÁ	DUY	07-Jan-05	60116175	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
987	SONG	NGHI	01-Aug-05	60116173	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
988	TRƯƠNG TUYẾT	NGHI	29-Mar-05	60116181	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
989	HỨA THỰC	NHI	23-Feb-05	60116161	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
990	TRẦN TIẾN	PHÁT	29-Nov-05	60116179	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
991	TRƯƠNG HỮU	TÀI	18-Jul-05	60116180	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
992	NGÔ BẢO	TRÂN	31-Oct-05	60116166	6	6/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
993	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	20-Jun-05	60116168	6	6/3			SƯỜNG NGUYỆT ÁNH	
994	TRẦN THÙY	TRANG	25-Dec-05	60116178	6	6/3			SƯỜNG NGUYỆT ÁNH	
995	ĐỖ HẠNH	TRINH	17-Jul-05	60116160	6	6/3			SƯỜNG NGUYỆT ÁNH	
996	PHẠM NGUYỄN GIA	TUYỀN	27-Nov-05	60116172	6	6/3			SƯỜNG NGUYỆT ÁNH	
997	LONG MỸ	BÌNH	21-Oct-05	60116252	6	6/3			TRẦN PHÚ	
998	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	22-Jan-05	60116253	6	6/3			TRẦN PHÚ	
999	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	02-Apr-05	60118547	6	6/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1000	HUỲNH MAI	NGỌC	24-May-05	60118545	6	6/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1001	TRỊNH ÁI	PHƯƠNG	14-Apr-05	60118550	6	6/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1002	QUÁCH THANH	THANH	15-Jul-05	60118548	6	6/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1003	LƯ GIA	THÀNH	05-Mar-05	60118546	6	6/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1004	ĐẶNG BÌNH JAMES	BOND	19-Sep-05	60118551	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1005	TRẦN TUẤN	ĐẠT	28-Dec-05	60118555	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1006	NGUYỄN MINH TRUNG	HÒA	20-Mar-05	60118553	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1007	NGUYỄN NGÔ THANH	KHẢI	31-Dec-05	60118554	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1008	TRẦN YẾN	NGÂN	16-Apr-05	60118556	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1009	NGUYỄN GIA	VINH	25-Jan-05	60118552	6	6/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1010	LÝ NHẬT	HUNG	23-Jan-05	60118557	6	6/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1011	NGUYỄN NGỌC MINH	KHUÊ	18-Sep-05	60118559	6	6/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1012	TRẦN ĐÀO PHÚC	PHONG	19-Jun-05	60118560	6	6/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1013	NGUYỄN HUỲNH NAM	TRÂN	01-Jan-05	60118558	6	6/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1014	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	28-Jun-05	60115761	6	6/4			DIÊN HỒNG	
1015	NGUYỄN GIA	MINH	16-Sep-05	60115758	6	6/4			DIÊN HỒNG	
1016	TRẦN LÊ XUÂN	NGÂN	27-May-05	60115763	6	6/4			DIÊN HỒNG	
1017	ĐẶNG NHƯ	NGỌC	08-Aug-05	60115753	6	6/4			DIÊN HỒNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1018	NGUYỄN HÀ	VY	21-May-05	60115759	6	6/4			DIỄN HỒNG	
1019	LÊ NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	02-Jun-05	60115990	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1020	TRỊNH ANH	HOÀN	07-Jan-05	60116006	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1021	LÊ ĐỨC	HUY	30-Oct-05	60115987	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1022	MAI THU	HUYỀN	12-Jul-05	60115992	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1023	NGUYỄN MINH	HY	11-Apr-05	60115996	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1024	NGUYỄN THIÊN	KHANH	29-Aug-05	60116001	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1025	ĐẶNG HOÀNG ANH	KHÔI	29-Jan-05	60115983	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1026	NGUYỄN HOÀNG HẢI	LONG	06-Jun-05	60115994	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1027	LÊ NGỌC	MÃN	11-May-05	60115989	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1028	THỐI GIA	NGHI	15-Mar-05	60116003	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1029	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYÊN	06-Aug-05	60115999	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1030	TRẦN HUỖNH THIÊN	NHÂN	11-Nov-05	60116004	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1031	MAI QUỲNH	NHƯ	25-Sep-05	60115991	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1032	NGUYỄN HỮU ANH	THI	02-Aug-05	60115995	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1033	NGUYỄN HỮU ANH	THƯ	02-Aug-05	60116008	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1034	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	20-Jul-05	60115993	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1035	LÂM CÁT	TƯỜNG	05-Jun-05	60115986	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1036	NGUYỄN NHẬT THẢO	VY	01-Mar-05	60116000	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1037	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	05-Sep-05	60115998	6	6/4			NGUYỄN VĂN TỐ	
1038	NGUYỄN CHÍ	ĐỨC	25-Mar-05	60116018	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1039	NGUYỄN LÊ NHƯ	HÀ	27-Jun-05	60116019	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1040	TRẦN BẢO	HÂN	13-Dec-05	60116024	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1041	ĐÌNH BẢO	HUY	06-Sep-05	60116010	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1042	LÊ KIM MINH	HUYỀN	24-Feb-05	60116015	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1043	HÀ QUANG	KHẢI	12-Jul-05	60116012	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1044	LÊ NGỌC	NGHI	10-May-05	60116016	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1045	NGUYỄN MINH	QUÂN	16-Sep-05	60116020	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1046	ĐẶNG MINH	THƯ	26-Oct-05	60116009	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1047	LÊ HOÀNG MỸ	UYÊN	17-Nov-05	60116014	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1048	NGÔ LÊ NHƯ	Ý	23-Dec-05	60116017	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1049	NGUYỄN NHẬT	YẾN	09-May-05	60116022	6	6/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1050	LÊ HUỖNH NGỌC	HIỀN	28-Jun-05	60116187	6	6/5			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1051	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	27-Nov-05	60115891	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1052	TRẦN DƯƠNG NGỌC	KHAÁNH	07-Dec-05	60115896	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1053	NGUYỄN NHẬT	KHANG	18-Sep-05	60115893	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1054	TRƯƠNG MINH	KHUÊ	07-Oct-05	60115897	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1055	LÊ NGỌC PHƯƠNG	MAI	03-May-05	60115889	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1056	NGUYỄN TẤN	PHÁT	08-Feb-05	60115894	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1057	NGUYỄN VĨ	PHONG	20-Sep-05	60115895	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1058	NGUYỄN CHÂU KHÁNH	VY	09-Sep-05	60115890	6	6/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1059	TRẦN BẢO	KHANH	26-Oct-05	60116037	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1060	TRẦN MINH	KHÔI	06-Apr-05	60116041	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1061	NGUYỄN NGỌC GIA	PHÚC	06-Sep-05	60116030	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1062	TRẦN MINH	QUÂN	04-Feb-05	60116040	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1063	TRẦN THỂ	QUÂN	13-Nov-05	60116042	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1064	CAO NGUYỄN HOÀI	TRANG	08-Jun-05	60116026	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1065	LÊ CHÍ	TRUNG	30-Jan-05	60116028	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1066	VÕ NGỌC MỸ	UYÊN	25-Apr-05	60116043	6	6/6			NGUYỄN VĂN TỐ	
1067	HỒ HUỖNH NHẬT	DUY	31-May-05	60116188	6	6/6			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1068	LƯƠNG THỊ BÍCH	TRÂM	15-Aug-05	60116190	6	6/6			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1069	TRẦN NHẬT	AN	05-Sep-05	60116261	6	6/6			TRẦN PHÚ	
1070	PHẠM LÊ QUỲNH	ANH	29-Nov-05	60116269	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1071	ĐÌNH THIÊN	BẢO	30-Oct-05	60116262	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1072	NGUYỄN KHÁNH	BÌNH	16-Oct-05	60116265	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1073	NGUYỄN TUẤN	HÙNG	15-Apr-05	60116268	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1074	DƯƠNG TUYẾT	NHI	28-Sep-05	60116263	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1075	NGUYỄN MINH	PHÚC	07-Jul-05	60116266	6	6/7			TRẦN PHÚ	
1076	LÊ VÕ THÙY	AN	20-May-05	60116280	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1077	CAO HỒNG	ĐẠT	25-Aug-05	60116272	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1078	DƯƠNG BÁ	KHANG	28-Mar-05	60116276	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1079	HUỲNH NGỌC HOÀNG	KHANG	08-Nov-05	60116278	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1080	NGUYỄN XUÂN	KHOA	10-May-05	60116283	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1081	PHẠM THỊ HỒNG	NGỌC	02-Jan-05	60116285	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1082	CHÂU DƯỢC	THƯƠNG	28-Mar-05	60116273	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1083	BÙI HOÀI	TRÂM	03-Apr-05	60116271	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1084	LÊ NGỌC UYÊN	VI	30-Apr-05	60116279	6	6/8			TRẦN PHÚ	
1085	ĐOÀN CHẤN	HUY	05-Nov-05	60116374	6	6A1			VIỆT ÚC	
1086	TỪ KHANG	KHẢI	22-May-04	60116379	6	6A1			VIỆT ÚC	
1087	NGUYỄN NGÔ QUỐC	THỊNH	12-Jan-05	60116377	6	6A1			VIỆT ÚC	
1088	THÁI HIỆU	ĐÌNH	12-Jun-05	60118660	6	6A2			VIỆT ÚC	
1089	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	13-Jul-05	60116384	6	6A2			VIỆT ÚC	
1090	TRẦN GIA	NGHIỆP	03-May-05	60116385	6	6A2			VIỆT ÚC	
1091	NGUYỄN HIỀN XUÂN	MAI	31-Jan-05	60116388	6	6A3			VIỆT ÚC	
1092	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	21-Jan-05	60116389	6	6A3			VIỆT ÚC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1093	PHAN BÁ	GIÁC	22-Mar-05	60116391	6	6A4			VIỆT ÚC	
1094	TRẦN KIM	HÀ	16-Apr-05	60116392	6	6A4			VIỆT ÚC	
1095	LIM MÃN	MÃN	09-Feb-05	60116390	6	6A4			VIỆT ÚC	
1096	TRƯƠNG LÊ	BÁCH	03-Apr-05	60116401	6	6A5			VIỆT ÚC	
1097	LẠI LÊ HOÀNG	CHÂU	06-Aug-05	60116395	6	6A5			VIỆT ÚC	
1098	HOÀNG TUẤN	HÒA	05-May-05	60116394	6	6A5			VIỆT ÚC	
1099	NGUYỄN CÁT	NHÂN	08-Apr-05	60116396	6	6A5			VIỆT ÚC	
1100	NGUYỄN VƯƠNG TUỆ	NHI	10-Feb-05	60116399	6	6A5			VIỆT ÚC	
1101	TẠ HOÀNG	PHÚC	19-Aug-05	60116400	6	6A5			VIỆT ÚC	
1102	NGUYỄN TRỊNH NHẤT	PHƯƠNG	13-Oct-05	60116398	6	6A5			VIỆT ÚC	
1103	ĐÀO LÊ PHƯƠNG	UYÊN	01-Jan-05	60116393	6	6A5			VIỆT ÚC	
1104	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	23-Apr-05	60116403	6	6A6			VIỆT ÚC	
1105	HUỲNH NGỌC HOÀNG	NHUNG	24-Dec-04	60116402	6	6A6			VIỆT ÚC	
1106	PHẠM THANH VIỆT	PHÚC	05-Jul-05	60116404	6	6A6			VIỆT ÚC	
1107	NGUYỄN THANH	MAI	09-Nov-05	60116409	6	6A7			VIỆT ÚC	
1108	LÊ ANH	MINH	24-Apr-05	60116406	6	6A7			VIỆT ÚC	
1109	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	NHU'	14-Mar-05	60116408	6	6A7			VIỆT ÚC	
1110	LÊ NGUYỄN QUỲNH	THU'	05-May-05	60116407	6	6A7			VIỆT ÚC	
1111	PHẠM TÚ	ANH	12-Sep-05	60116415	6	6E1			VIỆT ÚC	
1112	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	24-Oct-05	60116412	6	6E1			VIỆT ÚC	
1113	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	07-Sep-05	60116413	6	6E1			VIỆT ÚC	
1114	TRÀ MINH	THU'	28-Dec-05	60116416	6	6E1			VIỆT ÚC	
1115	NGUYỄN NGỌC	VÂN	15-Sep-05	60116414	6	6E1			VIỆT ÚC	
1116	ĐẶNG TRIỂN	HOÀNG	16-Jun-05	60116419	6	6E2			VIỆT ÚC	
1117	NGUYỄN MỸ	PHƯƠNG	06-Jan-05	60116422	6	6E2			VIỆT ÚC	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1118	TRẦN THIÊN ÂN	09-Feb-04	60142437	7	7			VIỆT ÚC	
1119	TRẦN GIA PHÚC	30-Mar-04	60142438	7	7			VIỆT ÚC	
1120	LÊ QUANG MINH NHẬT	01-Jul-04	60115767	7	7/1			DIÊN HỒNG	
1121	PHẠM MINH QUANG	28-Oct-04	60115774	7	7/1			DIÊN HỒNG	
1122	ĐỖ VĂN TRẠNG	11-Nov-04	60115766	7	7/1			DIÊN HỒNG	
1123	PHÙNG THẢO HUYỀN LINH	25-Dec-04	60115860	7	7/1			LẠC HỒNG	
1124	NGUYỄN HẢI UYÊN NHI	02-Sep-04	60115857	7	7/1			LẠC HỒNG	
1125	DƯƠNG THỊ THANH NHƯ	29-Apr-04	60115855	7	7/1			LẠC HỒNG	
1126	TRẦN THIÊN NHƯ	12-Dec-04	60115861	7	7/1			LẠC HỒNG	
1127	NGUYỄN PHẠM MINH THY	06-Apr-04	60115859	7	7/1			LẠC HỒNG	
1128	NGUYỄN NHẬT TÙNG	06-Jan-04	60115858	7	7/1			LẠC HỒNG	
1129	NHAN TẤN PHƯỚC	26-Jul-04	60115912	7	7/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1130	NGUYỄN HOÀI VY VÂN	30-Mar-04	60115910	7	7/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1131	PHAN MINH NHẬT	09-Jan-04	60116049	7	7/1			NGUYỄN VĂN TỔ	
1132	ĐINH YẾN NHI	26-Mar-04	60116044	7	7/1			NGUYỄN VĂN TỔ	
1133	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	06-Feb-04	60116046	7	7/1			NGUYỄN VĂN TỔ	
1134	NGUYỄN NGỌC QUỲNH GIANG	12-Oct-04	60116295	7	7/1			TRẦN PHÚ	
1135	NGUYỄN HÀ THANH BÌNH	31-Jul-04	60115805	7	7/10			HOÀNG VĂN THỤ	
1136	PHẠM PHÚ DUY	01-Jan-04	60115812	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1137	PHẠM CẨM HOÀNG	23-Mar-04	60115810	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1138	PHẠM NGUYỄN KHANH LINH	25-Oct-04	60115811	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1139	NGUYỄN HỒNG NGÂN	13-Apr-04	60115806	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1140	NGUYỄN XUÂN NGHIÊM	06-Feb-04	60115809	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1141	TRƯƠNG HOÀNG MINH NGỌC	05-Aug-04	60115815	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1142	VÕ MINH NGUYỆT	12-Jul-04	60115816	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1143	THÁI HỮU HOÀNH	SƠN	23-Oct-04	60115813	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1144	NGUYỄN HỮU	THÀNH	26-Aug-04	60115807	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1145	VŨ NHƯ MINH	THƯ	15-Nov-04	60115818	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1146	VÕ THỤY THÙY	TRANG	18-Jun-04	60115817	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1147	TRẦN THANH	TƯỜNG	16-Mar-04	60115814	7	7/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1148	TRẦN DUY	HUNG	07-Feb-04	60115822	7	7/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1149	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	21-Nov-04	60115821	7	7/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1150	NGUYỄN THỊ THẢO	HIỀN	20-Feb-04	60115468	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1151	TRẦN THANH	NHÃ	05-Jun-04	60115479	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1152	NGUYỄN MINH	QUỐC	26-Jun-04	60115465	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1153	LƯU PHƯƠNG THÙY	TRÂN	30-Mar-04	60115457	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1154	LÊ NGỌC THANH	VÂN	17-May-04	60115454	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1155	PHẠM LÊ NHẬT	VY	21-Nov-04	60115473	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1156	TRẦN NGỌC HOÀNG	YẾN	07-Jan-04	60115478	7	7/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1157	NGUYỄN VÕ MINH	DUY	02-Mar-04	60115783	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1158	HUỲNH PHƯƠNG	DUYÊN	21-Jan-04	60115777	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1159	VĂN DŨNG	KHẢI	08-Mar-04	60115787	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1160	NGUYỄN PHÚC VĨNH	KHANG	29-Feb-04	60115781	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1161	MAI PHAN THẢO	LINH	27-Aug-04	60115779	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1162	ĐOÀN HOÀNG	LONG	11-Jan-04	60115776	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1163	LÝ HOÀNG	LONG	13-Feb-04	60115778	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1164	TRẦN DUY	TÙNG	03-Aug-04	60115785	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1165	NGUYỄN HỒ BẢO	VY	17-Jul-04	60115780	7	7/2			DIÊN HỒNG	
1166	NGUYỄN QUỐC	HUNG	30-Jul-04	60115825	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1167	MẠC VĨNH	LUÂN	23-Jan-04	60115823	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1168	TỪ GIA	MÃN	27-Jun-04	60115831	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1169	PHAN LƯƠNG KHÔI	NGUYỄN	06-Nov-04	60115826	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1170	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI	11-Jan-04	60115828	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1171	TRẦN THẢO	PHƯƠNG	26-Apr-04	60115829	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1172	TRẦN NGỌC	UYÊN	05-Oct-04	60115827	7	7/2			HOÀNG VĂN THỤ	
1173	DƯƠNG QUỲNH	HOA	06-May-04	60116057	7	7/2			NGUYỄN VĂN TỐ	
1174	TÂN TUẤN	AN	28-Aug-04	60118568	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1175	ĐẶNG QUỐC	BÌNH	24-Sep-04	60118563	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1176	LÝ CHÍ	HÙNG	17-Mar-04	60118565	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1177	NGUYỄN HẢI	LONG	29-Oct-04	60118567	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1178	NGÔ KIM	MAI	08-Mar-04	60118566	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1179	TRẦN THƯ	NGUYỄN	05-May-04	60118569	7	7/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1180	HUỲNH QUANG	ĐẠI	17-Jan-04	60118570	7	7/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1181	QUAN BỘI	SAN	13-Jun-04	60118571	7	7/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1182	THÁI TÚ	NGÂN	17-Dec-04	60118572	7	7/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1183	NGUYỄN CÁT CHIÊU	HẰNG	18-Jan-04	60118579	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1184	NGUYỄN ĐOÀN HUY	KHƯƠNG	14-Nov-04	60118580	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1185	HSU CHIAO	LIN	17-Sep-04	60118573	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1186	LƯƠNG TRIỆU	MÃN	19-Oct-04	60118578	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1187	HUỲNH TRẦN GIA	MINH	01-Aug-04	60118574	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1188	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	01-Mar-04	60118582	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1189	PHẠM NGỌC Ý	NHI	15-Sep-04	60118583	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1190	LÊ MINH	THUẬN	09-Apr-04	60118575	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1191	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	15-Apr-04	60118576	7	7/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1192	LÊ QUỲNH	ANH	15-Feb-04	60118584	7	7/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1193	TRƯƠNG THIÊN	KIM	25-Dec-04	60118589	7	7/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1194	VAN GIA	LINH	26-Jan-04	60118590	7	7/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1195	PHẠM ĐỨC	MINH	17-Jan-04	60118587	7	7/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1196	NGUYỄN THÁI CHÍ	NGHĨA	29-Dec-04	60115498	7	7/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1197	TRẦN TẤN	PHƯỚC	10-Jun-04	60115511	7	7/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1198	VÕ QUANG	THẮNG	21-Jul-04	60115515	7	7/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1199	NGUYỄN THỊ YẾN	THANH	04-Dec-04	60115501	7	7/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1200	PHẠM TRÚC	THANH	21-Dec-04	60115505	7	7/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1201	HOÀNG THÁI GIA	BẢO	08-Mar-04	60115789	7	7/3			DIÊN HỒNG	
1202	PHẠM KIẾN	QUỐC	26-Apr-04	60115795	7	7/3			DIÊN HỒNG	
1203	LÊ PHƯỚC	SANG	22-Nov-04	60115791	7	7/3			DIÊN HỒNG	
1204	LÊ TRẦN THÀNH	TRÍ	21-Jun-04	60115792	7	7/3			DIÊN HỒNG	
1205	NGUYỄN TRẦN NGỌC	BẢO	17-Aug-04	60116076	7	7/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1206	NGUYỄN TRẦN NGUYỄN	BẢO	17-Aug-04	60116077	7	7/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1207	ĐÀO PHƯƠNG	KHANH	04-Oct-04	60116068	7	7/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1208	ĐÀO PHƯƠNG	KHÁNH	04-Oct-04	60116069	7	7/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1209	LƯU HOÀNG	PHÚC	23-Sep-04	60116073	7	7/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1210	CHÂU THIÊN	CHIẾN	08-Feb-04	60116193	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1211	BÙI TRẦN LÊ	HOÀNG	16-Jan-04	60116192	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1212	LÊ	HOÀNG	05-Oct-04	60116196	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1213	NGUYỄN NGÔ HẢI	NGHI	26-Jul-04	60116202	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1214	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	09-Feb-04	60116204	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1215	TẮT NGỌC	OANH	13-May-04	60116208	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1216	CHU THẢO	UYÊN	19-Jun-04	60116194	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1217	NGUYỄN HUỲNH THÁI	VY	15-Sep-04	60116200	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1218	NGUYỄN TƯỜNG	VY	22-Jul-04	60116207	7	7/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1219	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	13-Jul-04	60118593	7	7/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1220	LƯU NGỌC	QUYÊN	13-Mar-04	60118592	7	7/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1221	CHIANG HAU	TEAN	29-Aug-04	60118591	7	7/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1222	BÙI QUANG	KHANG	21-Dec-04	60118595	7	7/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1223	TRỊNH MINH	KHUÊ	15-Nov-04	60118599	7	7/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1224	DƯ TÂM	MY	07-May-04	60118597	7	7/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1225	CHÂU HUỖNH NAM	PHƯƠNG	25-Apr-04	60118596	7	7/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1226	NGUYỄN TƯỜNG	VI	03-Nov-04	60118598	7	7/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1227	NGUYỄN HUỖNH NAM	ANH	12-Dec-04	60115798	7	7/4			DIỄN HỒNG	
1228	TRẦN	HUỖNH	30-Nov-04	60115800	7	7/4			DIỄN HỒNG	
1229	TRẦN NGỌC THỦY	LINH	31-Aug-04	60115920	7	7/4			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1230	TƯ NỮ YẾN TƯ	MY	12-Aug-04	60115919	7	7/4			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1231	NGUYỄN VŨ GIA	HÂN	15-Nov-04	60116090	7	7/4			NGUYỄN VĂN TỔ	
1232	VÕ MINH	HIỀN	13-Jan-04	60116092	7	7/4			NGUYỄN VĂN TỔ	
1233	LONG	NGUYỄN	26-Jul-02	60116301	7	7/4			TRẦN PHÚ	
1234	TRẦN NHẬT	TIẾN	25-Jul-04	60115519	7	7/5			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1235	NGÔ HUY CÂN	DU	17-Jul-04	60116093	7	7/5			NGUYỄN VĂN TỔ	
1236	HỒ THÁI	AN	29-Jun-04	60116303	7	7/5			TRẦN PHÚ	
1237	NGUYỄN NGỌC BẢO	LY	23-Jul-04	60116304	7	7/5			TRẦN PHÚ	
1238	TRƯƠNG THỊ	DUYÊN	31-Jul-04	60115932	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1239	BÙI THÁI TIẾN	KHANH	13-May-04	60115922	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1240	TRẦN LÊ GIA	LẠC	26-Jan-04	60115930	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1241	NGUYỄN HẢI	NAM	16-Sep-04	60115926	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1242	NGUYỄN THANH	NGÂN	25-Jun-04	60115927	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1243	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	02-Dec-04	60115928	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1244	HUỖNH NGUYỄN	NGUYỄN	14-Jan-04	60115924	7	7/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1245	ĐẶNG NGUYỄN TUYẾT	ANH	03-Nov-04	60116306	7	7/6			TRẦN PHÚ	
1246	VŨ HẠNH	DUYÊN	26-Jun-04	60116312	7	7/7			TRẦN PHÚ	
1247	TRẦN ĐÀO THANH	TRÚC	05-Feb-04	60116311	7	7/7			TRẦN PHÚ	
1248	TRƯƠNG VŨ XUÂN	ÁNH	16-Mar-04	60116329	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1249	ĐÌNH TRẦN NGỌC	BÁO	09-Oct-04	60116315	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1250	LÊ GIA	HUY	12-Mar-04	60116318	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1251	BÙI NGUYỄN	KHA	11-Feb-04	60116313	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1252	TRƯƠNG GIA	LINH	01-Jul-04	60116328	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1253	TRẦN MINH	NGỌC	05-Sep-04	60116326	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1254	TRẦN ĐỨC	PHONG	12-Aug-04	60116325	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1255	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	05-Apr-04	60116319	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1256	ĐẬU DIỆU	THẢO	21-Jun-04	60116314	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1257	NGUYỄN TÂM	THIỆN	28-Feb-04	60116322	7	7/8			TRẦN PHÚ	
1258	ĐÀO KHÁNH	NGÂN	05-Nov-04	60116424	7	7A1			VIỆT ÚC	
1259	KHUU MÃN	NHI	24-Dec-04	60116425	7	7A1			VIỆT ÚC	
1260	NGUYỄN MINH	ANH	12-Nov-04	60116432	7	7A2			VIỆT ÚC	
1261	TRẦN LÊ MINH	ANH	10-Nov-04	60116435	7	7A2			VIỆT ÚC	
1262	BÙI ANH	TIẾN	25-Feb-04	60116428	7	7A2			VIỆT ÚC	
1263	DƯƠNG PHAN Ý	VY	14-Mar-04	60116430	7	7A2			VIỆT ÚC	
1264	HUỖNH KHÁNH	ĐOAN	01-Oct-04	60116437	7	7A3			VIỆT ÚC	
1265	LÊ DUY	MẠNH	03-Jan-04	60116438	7	7A3			VIỆT ÚC	
1266	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NAM	17-Sep-04	60116439	7	7A3			VIỆT ÚC	
1267	HUỖNH HẢI	SƠN	28-Jul-04	60116436	7	7A3			VIỆT ÚC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1268	TRẦN DUY MINH	UYÊN	17-Nov-04	60116440	7	7A3			VIỆT ÚC	
1269	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	KIM	04-Feb-04	60116444	7	7A4			VIỆT ÚC	
1270	LÊ HIỀN	LONG	15-Dec-04	60116443	7	7A4			VIỆT ÚC	
1271	NGUYỄN THÀNH HOÀNG	PHÚC	08-Jun-04	60116445	7	7A4			VIỆT ÚC	
1272	HUỲNH LÂN	ĐÌNH	04-Apr-04	60116452	7	7A6			VIỆT ÚC	
1273	TRƯƠNG TUẤN	HẢI	03-Nov-04	60116454	7	7A6			VIỆT ÚC	
1274	DƯƠNG NGỌC	TÂM	05-Sep-04	60116451	7	7A6			VIỆT ÚC	
1275	NGUYỄN PHƯƠNG TRÚC	THI	02-Jul-04	60116453	7	7A6			VIỆT ÚC	
1276	THÁI KẾ	BẰNG	11-May-04	60116460	7	7A7			VIỆT ÚC	
1277	CHU NGỌC HÀ	UYÊN	04-Aug-04	60116455	7	7A7			VIỆT ÚC	
1278	PHAN NĂNG	LẬP	16-Jul-04	60116463	7	7E1			VIỆT ÚC	
1279	ĐỖ HÙNG	ÂN	14-Aug-04	60116465	7	7E2			VIỆT ÚC	
1280	PHAN BỘI	HÂN	21-Jul-04	60116470	7	7E2			VIỆT ÚC	
1281	LÊ QUỐC	BẰNG	04-Sep-04	60116471	7	7E3			VIỆT ÚC	
1282	NGUYỄN HOÀNG BÍCH	PHƯƠNG	30-Nov-03	60142436	8	8			NGUYEN TRI PHUONG	
1283	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	27-Nov-03	60142440	8	8			VIỆT ÚC	
1284	NGUYỄN PHAN ĐÔNG	ANH	18-Oct-03	60115521	8	8/1			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1285	HUỲNH MINH	HUY	16-Jun-03	60115803	8	8/1			DIÊN HỒNG	
1286	PHAN NGUYỄN	KHÔI	16-Jan-03	60115866	8	8/1			LẠC HỒNG	
1287	ĐẶNG HỮU BẢO	NGỌC	28-May-03	60115862	8	8/1			LẠC HỒNG	
1288	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	30-Jun-03	60115864	8	8/1			LẠC HỒNG	
1289	NGÔ VIỆT XUÂN	QUỲNH	05-Feb-03	60115863	8	8/1			LẠC HỒNG	
1290	NGUYỄN QUANG ANH	VŨ	03-Dec-03	60115865	8	8/1			LẠC HỒNG	
1291	HUỲNH LỮ TRÂM	ANH	10-Sep-03	60115933	8	8/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1292	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	11-Mar-03	60116100	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỔ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1293	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	ANH	20-Nov-03	60116102	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1294	VÕ NGỌC TRÂM	ANH	08-Mar-03	60116105	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1295	NGUYỄN KHOA	HUÂN	01-Jan-03	60116098	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1296	HÀ MINH	KHIÊM	17-Sep-03	60116094	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1297	LÊ PHƯƠNG	MINH	27-Feb-03	60116096	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1298	PHAN THANH THẢO	NGUYỄN	24-Aug-03	60116103	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1299	LÊ MAI MINH	QUÂN	18-Jun-03	60116095	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1300	MAI TRÚC	THẢO	11-Jun-03	60116097	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1301	VŨ ĐỨC	THỊNH	20-Sep-03	60116106	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1302	VĂN GIA	THỤY	27-Nov-03	60116104	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1303	NGUYỄN NHƯ MỸ	TIÊN	29-Oct-03	60116101	8	8/1			NGUYỄN VĂN TỐ	
1304	VÕ TRẦN TRÚC	KHUÊ	01-Oct-03	60115833	8	8/14			HOÀNG VĂN THỤ	
1305	LÊ GIA	HÂN	29-Dec-03	60115835	8	8/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1306	TÔ NGUYỄN BẢO	NGHI	17-Jun-03	60115838	8	8/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1307	TÔ NHƯ	NGỌC	16-Aug-03	60115839	8	8/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1308	PHAN MINH	PHÚ	19-Nov-03	60115837	8	8/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1309	ĐẶNG DƯƠNG NGUYỄN	TRÂN	16-Oct-03	60115834	8	8/15			HOÀNG VĂN THỤ	
1310	VÕ THỊ QUỲNH	ANH	13-Oct-03	60115555	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1311	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	ÁNH	28-Aug-03	60115543	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1312	ĐẶNG TIỂU	BẢO	09-Nov-03	60115524	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1313	NGUYỄN THẾ	KHẢI	09-Mar-03	60115541	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1314	NGUYỄN TRƯỜNG	KHANG	13-Nov-03	60115544	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1315	TRẦN LÊ ANH	KHOA	09-Nov-03	60115549	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1316	NHIÊU KIẾN	KHƯƠNG	22-Dec-03	60115545	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1317	TRỊNH QUANG	MINH	15-Feb-03	60115554	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1318	LÊ TRỌNG	NGHĨA	16-Feb-03	60115532	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1319	HÀ MAI HUY	NGUYỄN	23-Oct-03	60115527	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1320	HOÀNG PHÚC	NHI	01-Jun-03	60115529	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1321	NGUYỄN MINH	QUÂN	17-Dec-03	60115538	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1322	NGUYỄN THANH	TÂM	27-Oct-03	60115540	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1323	PHAN HOÀNG ANH	THƯ	30-Oct-03	60115547	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1324	VƯƠNG NGỌC MINH	THƯ	26-Nov-03	60115556	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1325	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	03-Jan-03	60115539	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1326	HỒ NGUYỄN TỔ	UYÊN	25-May-03	60115528	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1327	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	30-Aug-03	60115551	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1328	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG	VY	03-Jun-03	60115546	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1329	TRẦN NGÔ HIẾU	YẾN	30-Aug-03	60115548	8	8/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1330	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	06-Jun-03	60115869	8	8/2			LẠC HỒNG	
1331	TỪ NGỌC LAM	ANH	05-Jul-03	60115872	8	8/2			LẠC HỒNG	
1332	NGUYỄN HỒNG	MINH	19-Dec-03	60115868	8	8/2			LẠC HỒNG	
1333	TỔNG AN	NHIÊN	04-Nov-03	60115871	8	8/2			LẠC HỒNG	
1334	LÊ ĐỨC	TÀI	30-Oct-03	60115867	8	8/2			LẠC HỒNG	
1335	PHẠM XUÂN	TIÊN	13-Nov-03	60115870	8	8/2			LẠC HỒNG	
1336	NGUYỄN DUY	BẢO	01-Jun-03	60116110	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1337	PHẠM ĐÌNH	CHƯƠNG	18-Feb-03	60116112	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1338	HÀ QUANG	KHOA	09-Jun-03	60116108	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1339	DIỆP QUỐC HOÀNG	NAM	16-Feb-03	60116107	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1340	LƯU NGỌC QUỲNH	NHƯ	12-Jan-03	60116109	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1341	NGUYỄN THÚY QUỲNH	NHƯ	28-May-03	60116111	8	8/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1342	HUỲNH GIA	BỬU	12-Dec-03	60118602	8	8/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1343	HỒ PHƯƠNG	KIỆT	12-Feb-03	60118601	8	8/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1344	TRỊNH DUY	TÂM	11-Dec-03	60118603	8	8/28			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1345	ĐỖ THÁI	BẢO	02-Feb-03	60118604	8	8/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1346	VĂN HIỆU	LINH	20-Nov-03	60118605	8	8/29			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1347	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	01-Nov-03	60115577	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1348	LƯU TRƯỜNG	GIANG	29-Sep-03	60115570	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1349	NGÔ BẢO	HÂN	22-Sep-03	60115572	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1350	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	22-Nov-03	60115579	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1351	TRƯỜNG THỊ THANH	HỒNG	15-Dec-03	60115585	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1352	TRƯỜNG NGỌC THIÊN	HƯƠNG	15-Sep-03	60115584	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1353	LƯU MỸ	HUYỀN	13-Jan-03	60115571	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1354	LÂM AN	KHANG	09-Dec-03	60115566	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1355	ĐỖ NGUYỄN ANH	KHOA	22-Jan-03	60115560	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1356	PHẠM NGUYỄN TUẤN	KIỆT	29-May-03	60115581	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1357	CAO QUANG	LONG	29-Jul-03	60115558	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1358	LÊ NGỌC PHƯƠNG	NGHI	27-Apr-03	60115567	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1359	NGUYỄN HOÀN BẢO	NGHI	15-Apr-03	60115573	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1360	ĐỖ THANH	NHƯ	04-Mar-03	60115561	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1361	NGUYỄN HỮU THANH	THIỆN	08-Jul-03	60115575	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1362	NGUYỄN HỮU NHƯ	THUẬN	08-Jul-03	60115574	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1363	TRẦN THANH	TRÚC	05-Jan-03	60115583	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1364	DƯ NGUYỄN MINH	TÚ	11-Jul-03	60115564	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1365	VŨ QUỐC	TUẤN	02-Oct-03	60115586	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1366	ĐOÀN VŨ TÚ	UYÊN	18-Jul-03	60115563	8	8/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1367	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	KHANH	08-Oct-03	60116356	8	8/3			TRẦN PHÚ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1368	TRẦN MỸ	NHU	25-Apr-03	60116357	8	8/3			TRẦN PHÚ	
1369	TỪ BẢO	NGHI	25-Apr-03	60118611	8	8/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1370	LÝ NGỌC	NHI	13-Oct-03	60118609	8	8/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1371	PHẠM NGỌC TÚ	NHI	08-Apr-03	60118610	8	8/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1372	LƯƠNG ÂN	NHU	30-Mar-03	60118608	8	8/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1373	LÊ HOÀNG KHÁNH	VY	03-Jul-03	60118607	8	8/30			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1374	THÁI HOÀNG VÂN	KHANH	20-Jun-03	60118614	8	8/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1375	PHAN SƠN	QUỐC	23-Dec-03	60118613	8	8/32			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1376	NGUYỄN PHẠM MAI	ANH	08-Jul-03	60118619	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1377	ĐỖ TUẤN	HUY	21-Dec-03	60118616	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1378	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHUÊ	05-Feb-03	60118617	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1379	ĐỖ ANH	KIỆT	29-Dec-03	60118615	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1380	NGUYỄN HUỲNH TUYẾT	LINH	17-Aug-03	60118618	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1381	THÁI NHƯ	THẢO	04-Sep-03	60118620	8	8/33			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1382	NGUYỄN VĨNH THANH	DANH	11-Nov-02	60118623	8	8/35			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1383	TRẦN MINH	HẠNH	06-May-03	60118625	8	8/35			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1384	NGUYỄN LÊ	KHANG	29-Mar-03	60118622	8	8/35			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1385	PHẠM MINH TƯỜNG	LAM	12-Apr-03	60118624	8	8/35			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1386	HUỲNH TRẦN TIỂU	VY	15-Sep-03	60118621	8	8/35			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1387	NGUYỄN KHÁNH	LINH	03-Dec-03	60118626	8	8/36			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1388	PHẠM HUỲNH THANH	UYÊN	14-Feb-03	60118628	8	8/36			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1389	NGUYỄN THỤY TƯỜNG	VÂN	06-Nov-03	60118627	8	8/36			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1390	TRỊNH THẢO	VÂN	07-Sep-03	60118629	8	8/36			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1391	NGUYỄN MÃN	ĐẠT	12-Apr-03	60118634	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1392	LÊ XUÂN NHẬT	DƯƠNG	06-Oct-03	60118632	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1393	NGUYỄN TRÍ	HÀO	20-Nov-03	60118635	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1394	SỬ NGỌC KHÔI	NGUYỄN	14-Sep-03	60118636	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1395	LÂM KHÁNH	TUÔNG	02-Aug-03	60118631	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1396	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	14-Jul-03	60118633	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1397	HUỲNH KHÔI	VINH	10-Jul-03	60118630	8	8/37			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1398	NGUYỄN DUY	DUƠNG	01-Mar-03	60115603	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1399	ĐOÀN NGỌC HOÀNG	HUYỀN	10-Mar-03	60115589	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1400	HOÀNG TRẦN PHƯƠNG	KHANH	02-Jan-03	60115594	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1401	TRẦN NGUYỄN ANH	KHOA	21-Dec-03	60115620	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1402	NGUYỄN PHÚC	LOAN	29-Oct-03	60115608	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1403	LÊ NGỌC KHÁNH	NGÂN	29-Sep-03	60115598	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1404	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	NGHI	08-Oct-03	60115604	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1405	TRẦN GIA	NGHI	29-Sep-03	60115617	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1406	NGUYỄN NGỌC THẢO	NHI	27-Feb-03	60115605	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1407	NGUYỄN CAO QUỲNH	NHU'	22-Mar-03	60115602	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1408	LÂM TRƯỜNG	PHÚ	30-May-03	60115597	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1409	TRẦN TRỌNG	PHÚC	24-Oct-03	60115622	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1410	TRẦN NGÔ KIM	PHỤNG	07-Jan-03	60115619	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1411	LÂM ANH KHÁNH	THẢO	21-Nov-03	60115596	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1412	ĐOÀN NGỌC ANH	THI	31-Oct-03	60115588	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1413	TRỊNH LÂM HOÀNG	THỊNH	06-Mar-03	60115625	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1414	ĐOÀN NGỌC HOÀNG	TRIỀU	10-Mar-03	60115590	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1415	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	27-May-03	60115599	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1416	NGUYỄN PHƯƠNG	VINH	16-Jan-03	60115610	8	8/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1417	NGUYỄN HOÀNG BÍCH	PHƯỢNG	30-Nov-03	60115936	8	8/4			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1418	PHẠM KHÁNH	VY	07-Mar-03	60115937	8	8/4			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1419	TRẦN MỸ	ÁI	30-Aug-03	60116221	8	8/4			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1420	LÊ QUỲNH	ANH	26-Sep-03	60116220	8	8/4			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1421	HUỲNH NGỌC	TÚ	30-Sep-03	60116219	8	8/4			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1422	QUÁCH TÈ	HOÀNG	09-Dec-03	60116116	8	8/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1423	NGUYỄN VIỆT GIA	HUY	13-Aug-03	60116115	8	8/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1424	NGUYỄN NGỌC THANH	THU'	29-Nov-03	60116114	8	8/5			NGUYỄN VĂN TỐ	
1425	HÀ GIA	BẢO	20-Mar-03	60116358	8	8/5			TRẦN PHÚ	
1426	PHẠM XUÂN	HIẾU	24-Feb-03	60115946	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1427	VŨ QUỲNH	NGA	05-Mar-03	60115947	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1428	LÊ TẤN KHÁNH	NGÂN	04-Sep-03	60115943	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1429	ĐOÀN YÊN	NHI	24-May-03	60115941	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1430	LÊ NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	10-Jul-03	60115942	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1431	NGUYỄN VŨ UYÊN	THU'	27-Jul-03	60115945	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1432	NGUYỄN NGỌC CÁT	TƯỜNG	04-Oct-03	60115944	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1433	CHÂU HỒNG NHẬT	VY	02-May-03	60115940	8	8/6			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1434	TRẦN QUANG	HÙNG	16-Sep-03	60115951	8	8/7			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1435	DƯƠNG TẤN	KHANG	12-Aug-03	60115949	8	8/7			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1436	DƯƠNG QUÝ	MI	10-Jan-03	60115948	8	8/7			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1437	LÊ TRẦN MINH	THU'	23-Jul-03	60115950	8	8/7			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1438	LÊ MINH THẢO	AN	28-Aug-03	60116362	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1439	VŨ NGUYỄN BẢO	HÂN	11-Oct-03	60116370	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1440	TRƯỜNG QUỐC	KHẢI	21-Apr-03	60116369	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1441	TRẦN THANH	LAN	12-Jun-03	60116368	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1442	PHẠM HẢI	MY	03-Oct-03	60116365	8	8/7			TRẦN PHÚ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1443	BÀNH ĐÌNH BẢO	NGỌC	12-Aug-03	60116360	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1444	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	22-Feb-03	60116364	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1445	NGUYỄN LÊ MINH	THƯƠNG	10-Feb-03	60116363	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1446	ĐỖ TRẦN CẨM	TÚ	13-Jun-03	60116361	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1447	TRẦN ÁNH	VÂN	18-Oct-03	60116367	8	8/7			TRẦN PHÚ	
1448	MAI TRẦN XUÂN	ANH	09-Feb-03	60116371	8	8/8			TRẦN PHÚ	
1449	NGUYỄN THÙY NHƯ	ÁI	12-Jun-03	60116476	8	8A1			VIỆT ÚC	
1450	NGUYỄN QUỐC	AN	06-Dec-03	60116475	8	8A1			VIỆT ÚC	
1451	NGUYỄN GIA	BẢO	23-Mar-03	60116473	8	8A1			VIỆT ÚC	
1452	LÊ HỒNG ÁNH	MINH	07-Oct-03	60116472	8	8A1			VIỆT ÚC	
1453	BÙI DUY	ANH	30-Nov-03	60118662	8	8A2			VIỆT ÚC	
1454	LƯƠNG PHÚC	ANH	01-Dec-03	60118668	8	8A2			VIỆT ÚC	
1455	LÝ	ĐĂNG	26-Mar-03	60118669	8	8A2			VIỆT ÚC	
1456	LÂM HỒNG	HÂN	16-Nov-03	60118664	8	8A2			VIỆT ÚC	
1457	CHÂU CẨM	HOA	25-Jan-03	60118663	8	8A2			VIỆT ÚC	
1458	LƯƠNG HY	HOÀNG	09-Dec-03	60118666	8	8A2			VIỆT ÚC	
1459	PHẠM TRÍ	KHIÊM	17-Dec-03	60118670	8	8A2			VIỆT ÚC	
1460	PHƯƠNG MỸ	LINH	01-Aug-03	60118671	8	8A2			VIỆT ÚC	
1461	TRẦN VĨNH TIẾN	LỢI	07-May-03	60118672	8	8A2			VIỆT ÚC	
1462	HỒ QUANG	PHÚC	09-Apr-03	60118673	8	8A3			VIỆT ÚC	
1463	NGÔ HUỲNH HỒNG	PHÚC	16-Oct-03	60118676	8	8A3			VIỆT ÚC	
1464	LÂM ANH	THƯ	15-May-03	60118675	8	8A3			VIỆT ÚC	
1465	NGUYỄN HỒNG	LAM	14-Dec-03	60118679	8	8A4			VIỆT ÚC	
1466	NGUYỄN QUÝ BẢO	TRÂM	28-Nov-03	60118680	8	8A4			VIỆT ÚC	
1467	TRẦN CHUNG	MINH	24-Dec-03	60118683	8	8A5			VIỆT ÚC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1468	NGUYỄN THẢO	MY	05-Mar-03	60118682	8	8A5			VIỆT ÚC	
1469	TRƯƠNG THANH THANH	TRÚC	19-Aug-03	60118685	8	8A5			VIỆT ÚC	
1470	TRẦN HỒ VÂN	ANH	26-Feb-03	60118693	8	8A6			VIỆT ÚC	
1471	NGUYỄN SƠN	HOÀNG	30-Sep-03	60118690	8	8A6			VIỆT ÚC	
1472	HOÀNG THU	NGỌC	21-Jun-03	60118688	8	8A6			VIỆT ÚC	
1473	TIỀN TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	17-Jul-03	60118691	8	8A6			VIỆT ÚC	
1474	BÀNG THẾ	THIÊN	04-Jan-03	60118686	8	8A6			VIỆT ÚC	
1475	HOÀNG NHẬT	VY	27-Sep-03	60118687	8	8A6			VIỆT ÚC	
1476	PHAN THÁI	MÃN	06-Jan-03	60118694	8	8A7			VIỆT ÚC	
1477	VÕ MINH	NGUYỆT	07-Sep-03	60118698	8	8A8			VIỆT ÚC	
1478	HỒNG TRƯỜNG	TÍN	06-Nov-03	60118696	8	8A8			VIỆT ÚC	
1479	LÊ BẢO	TRÂN	17-Oct-03	60118697	8	8A8			VIỆT ÚC	
1480	BÙI PHAN QUANG	TUẤN	23-Aug-03	60118695	8	8A8			VIỆT ÚC	
1481	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	18-Aug-16	60118704	8	8E1			VIỆT ÚC	
1482	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	18-Aug-16	60118705	8	8E1			VIỆT ÚC	
1483	TRẦN TÙNG	LINH	14-Mar-03	60118706	8	8E1			VIỆT ÚC	
1484	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	29-Nov-03	60118703	8	8E1			VIỆT ÚC	
1485	ĐẶNG TRẦN THỤ	NHÂN	11-Oct-03	60118700	8	8E1			VIỆT ÚC	
1486	BÙI ĐOÀN PHỐI	NHU'	06-Jul-03	60118699	8	8E1			VIỆT ÚC	
1487	VÕ NGỌC BẢO	TRÂN	05-Jun-03	60118707	8	8E1			VIỆT ÚC	
1488	TRẦN HÀ HUYỀN	LINH	22-Feb-03	60118713	8	8E2			VIỆT ÚC	
1489	VÕ THIÊN	NHÂN	18-Aug-16	60118715	8	8E2			VIỆT ÚC	
1490	LÊ TIỀN	PHÁT	21-Feb-03	60118708	8	8E2			VIỆT ÚC	
1491	THÂN HÀ THIÊN	SƠN	15-Sep-03	60118711	8	8E2			VIỆT ÚC	
1492	BÙI BẢO	MINH	20-Nov-02	60115626	9	9/1			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1493	PHAN TÂM	NHƯ	16-Feb-02	60115632	9	9/1			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1494	HỒ NGUYỄN KIM	PHỤNG	21-Aug-02	60115629	9	9/1			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1495	LÊ MỸ	QUÂN	22-Nov-02	60115630	9	9/1			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1496	VŨ TẤN	ĐẠT	11-Sep-02	60115878	9	9/1			LẠC HỒNG	
1497	LÊ	DUY	31-Jul-02	60115876	9	9/1			LẠC HỒNG	
1498	BÙI NGÂN	HÀ	10-Jun-02	60115873	9	9/1			LẠC HỒNG	
1499	DƯƠNG QUỐC	PHÙNG	21-May-02	60115875	9	9/1			LẠC HỒNG	
1500	TRẦN NGUYỄN NGỌC MINH	THIỆU	25-Feb-02	60115877	9	9/1			LẠC HỒNG	
1501	CHUNG BỘI	CHI	05-Dec-02	60115954	9	9/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1502	NGUYỄN HỒ THANH	THẢO	29-Jul-02	60115956	9	9/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1503	DƯƠNG VĨNH	THIỆN	03-Mar-02	60115955	9	9/1			NGUYỄN TRI PHƯƠNG	
1504	NGÔ THỊ PHƯƠNG	MAI	14-Mar-01	60116330	9	9/1			TRẦN PHÚ	
1505	ĐINH XUÂN	BÁCH	13-May-02	60115841	9	9/13			HOÀNG VĂN THỤ	
1506	NGUYỄN MINH	TÂN	15-Mar-02	60115843	9	9/13			HOÀNG VĂN THỤ	
1507	NGUYỄN HOÀNG THANH	VY	30-Nov-02	60115842	9	9/13			HOÀNG VĂN THỤ	
1508	NGUYỄN NHẬT	ANH	03-Nov-02	60115653	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1509	TRẦN LÊ HOÀNG	BẢO	15-Mar-02	60115658	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1510	HUỲNH MAI THANH	GIANG	29-Apr-02	60115639	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1511	TRẦN TRỌNG	HẢI	14-Aug-01	60115659	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1512	LƯƠNG THỂ THANH	HIỀN	25-Apr-02	60115647	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1513	CAO NHẬT	HUY	28-May-02	60115634	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1514	LÊ HOÀN	HUY	05-Nov-02	60115644	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1515	LƯƠNG HOÀNG VÂN	KHANH	21-Dec-02	60115646	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1516	LÊ ĐĂNG	KHOA	01-Feb-02	60115643	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1517	ĐẶNG TRÚC	LINH	10-Mar-02	60115636	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1518	NGUYỄN HOÀNG	LONG	05-Nov-02	60115649	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1519	VŨ HẢI	MY	05-Mar-02	60115662	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1520	LÂM TRUNG	NGHĨA	02-Dec-02	60115641	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1521	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	17-Dec-02	60115654	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1522	NGUYỄN LÂM GIA	NHI	09-Apr-02	60115651	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1523	PHAN GIA	PHÚC	21-Jan-02	60115657	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1524	PHẠM DƯƠNG QUỐC	THẮNG	26-Sep-02	60115656	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1525	LÂM THỦY	TIỀN	27-Feb-02	60115640	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1526	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	12-Jan-02	60115652	9	9/2			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1527	MAI HỒNG	NHÃ	9-Jun-02	60116120	9	9/2			NGUYỄN VĂN TỔ	
1528	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	20-Nov-02	60116242	9	9/2			TRẦN PHÚ	
1529	TRẦN THẢI	LINH	02-Mar-02	60118639	9	9/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1530	LÊ	THY	23-Sep-02	60118637	9	9/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1531	THÁI KIM	TRÂN	10-Sep-02	60118638	9	9/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1532	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	ANH	29-Oct-02	60118641	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1533	VƯƠNG QUẾ	CHI	11-Oct-02	60118650	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1534	LƯU NGỌC	KHANH	25-Apr-02	60118644	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1535	LÂM MỸ	LINH	12-Jul-02	60118642	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1536	NGUYỄN HUỲNH VĨNH	LỘC	15-May-02	60118647	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1537	PHẠM HOÀNG	LUẬN	06-May-02	60118648	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1538	LÂM VĨ	NGHIỆP	23-Sep-02	60118643	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1539	THÁI MẠNH	PHI	13-Sep-02	60118649	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1540	NGUYỄN ĐAN	QUỲNH	28-Jan-02	60118646	9	9/27			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1541	LÂM NGỌC	BÁCH	13-Aug-02	60115670	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1542	BÙI PHẠM TRƯỜNG	GIANG	25-Aug-02	60115663	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1543	LÊ NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	01-Jan-02	60115671	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1544	NGUYỄN NHỰT	HUY	23-Oct-02	60115676	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1545	ĐỖ PHAN NHỰT	MINH	07-Jan-02	60115665	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1546	TRẦN TRÍ	NHÂN	27-Sep-02	60115678	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1547	NHAN BỬU	PHƯỚC	26-Mar-02	60115677	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1548	VÕ	THIỆN	22-Jun-02	60115679	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1549	HUỲNH THANH	THÚY	06-Oct-02	60115669	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1550	DƯƠNG VÂN NGỌC	THY	13-Jun-02	60115667	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1551	NGUYỄN HOÀNG MỸ	TRÂN	26-Nov-02	60115675	9	9/3			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1552	NGUYỄN HÀ THỰC	ANH	12-May-02	60116126	9	9/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1553	NGUYỄN BẢO	HÂN	29-Sep-02	60116125	9	9/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1554	TRẦN THANH	MAI	10-May-02	60116136	9	9/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1555	PHẠM MINH	QUANG	08-Sep-02	60116132	9	9/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1556	PHẠM BẢO	TRÂN	07-Apr-02	60116130	9	9/3			NGUYỄN VĂN TỔ	
1557	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	31-Oct-02	60116239	9	9/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1558	NGUYỄN NGỌC	NINH	10-Jun-02	60116238	9	9/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1559	LÊ NGUYỄN THANH	TÂN	28-Feb-02	60116237	9	9/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1560	LÊ HUỲNH CÁT	TƯỜNG	20-Nov-02	60116236	9	9/3			SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	
1561	NGUYỄN VĂN	PHÁT	08-Sep-02	60116331	9	9/3			TRẦN PHÚ	
1562	VÕ TRẦN THANH	QUANG	04-Jul-02	60116332	9	9/3			TRẦN PHÚ	
1563	ĐÀO HOÀNG CHIÊU	ANH	2-Dec-02	60118652	9	9/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1564	LƯƠNG THỰC	NGHI	17-Jan-02	60118654	9	9/31			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1565	NGUYỄN KHÁNH	HỒNG	24-Oct-02	60118656	9	9/34			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1566	NGUYỄN NGỌC	MINH	26-Jul-02	60118657	9	9/34			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1567	TRINH DUY	PHƯƠNG	30-Nov-02	60118658	9	9/34			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1568	TRƯƠNG Ý	VY	24-Feb-02	60118659	9	9/34			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1569	HOÀNG CÔNG MINH	HIẾU	24-Aug-02	60115688	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1570	PHẠM TRẦN GIA	HUY	04-Nov-02	60115706	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1571	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	02-Dec-02	60115697	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1572	NGUYỄN HƯƠNG	NHI	08-Nov-02	60115699	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1573	TRỊNH NGỌC NHƯ	QUỲNH	26-Jun-02	60115713	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1574	NGUYỄN UYÊN	THẢO	19-Feb-02	60115704	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1575	THÁI MAI KHÁNH	VY	08-Oct-02	60115708	9	9/4			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1576	NGUYỄN KHẮC ANH	QUÂN	15-Jul-02	60116138	9	9/4			NGUYỄN VĂN TỔ	
1577	LÊ ĐỖ ANH	THƯ	01-Aug-02	60116137	9	9/4			NGUYỄN VĂN TỔ	
1578	LÊ QUANG	HUY	26-Nov-02	60116333	9	9/4			TRẦN PHÚ	
1579	HUỲNH NGUYỄN HUY	HOÀNG	03-Jul-02	60115714	9	9/5			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1580	THÁI TÔN	TÍCH	06-Nov-02	60115718	9	9/5			CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	
1581	NGUYỄN HOÀNG THỦY	TIÊN	09-Sep-02	60116334	9	9/5			TRẦN PHÚ	
1582	NGUYỄN NGỌC	BỘI	04-Oct-02	60116340	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1583	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	28-Aug-02	60116341	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1584	NGUYỄN LÊ NHƯ	HOÀNG	15-Jul-02	60116338	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1585	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	17-Jan-02	60116336	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1586	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	26-Jul-02	60116339	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1587	LƯƠNG NGỌC	QUÂN	15-Oct-02	60116337	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1588	VŨ MINH	QUÂN	12-Jun-02	60116342	9	9/6			TRẦN PHÚ	
1589	NGUYỄN THIÊN	KHẢI	18-Jan-02	60116153	9	9/7			NGUYỄN VĂN TỔ	
1590	NGUYỄN CHÂU HÀ	PHƯƠNG	06-Jul-02	60116148	9	9/7			NGUYỄN VĂN TỔ	
1591	LÊ MINH	QUÂN	09-Mar-02	60116146	9	9/7			NGUYỄN VĂN TỔ	
1592	ĐÀO HOÀNG	THÁI	08-Jan-02	60116145	9	9/7			NGUYỄN VĂN TỔ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1593	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	25-Jul-02	60116149	9	9/7			NGUYỄN VĂN TỔ	
1594	NGUYỄN TÔN NƯ LAN	CHI	26-Apr-02	60116347	9	9/7			TRẦN PHÚ	
1595	ĐẶNG THỊ BÍCH	DIỆP	12-Dec-02	60116343	9	9/7			TRẦN PHÚ	
1596	NGUYỄN CAO	MINH	03-Nov-02	60116344	9	9/7			TRẦN PHÚ	
1597	TRƯỜNG BẢO	NGỌC	29-Oct-02	60116349	9	9/7			TRẦN PHÚ	
1598	TRẦN LÊ TÂM	ANH	05-Aug-02	60118716	9	9A1			VIỆT ÚC	
1599	TRẦN MÃN	LINH	04-Aug-02	60118718	9	9A3			VIỆT ÚC	
1600	CHU NAM	SƠN	18-Aug-02	60118717	9	9A3			VIỆT ÚC	
1601	MAI NGUYỄN TIẾN	PHÁT	27-May-02	60118720	9	9A4			VIỆT ÚC	
1602	LÂM	VY	18-Feb-02	60118719	9	9A4			VIỆT ÚC	
1603	TRƯỜNG HUỲNH BẢO	KHANH	18-Aug-16	60118724	9	9A5			VIỆT ÚC	
1604	NGUYỄN KHẢI	MINH	30-Dec-02	60118723	9	9A5			VIỆT ÚC	
1605	HÀ NGUYỄN HOÀN	MỸ	05-Jan-02	60118721	9	9A5			VIỆT ÚC	
1606	LÊ HUỲNH YẾN	NHI	22-Dec-02	60118726	9	9E1			VIỆT ÚC	
1607	LÊ MINH	TIẾN	27-Dec-02	60118727	9	9E1			VIỆT ÚC	
1608	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	13-Jan-02	60118729	9	9E1			VIỆT ÚC	
1609	CAO TRẦN XUÂN	BÁCH	18-Aug-16	60118730	9	9E2			VIỆT ÚC	
1610	HUỲNH TẤN	ĐỨC	31-Jan-02	60118731	9	9E2			VIỆT ÚC	
1611	TRƯỜNG CHẤN	HOÀNG	06-Dec-02	60118734	9	9E2			VIỆT ÚC	
1612	NGUYỄN XUÂN	LỘC	08-Nov-01	60118733	9	9E2			VIỆT ÚC	
1613	NGUYỄN ĐẶNG THANH	NGÂN	21-Jun-02	60118732	9	9E2			VIỆT ÚC	